

**Hội nhập Dịch vụ trong ASEAN**

## Ban Thư ký ASEAN Ja-ka-ta

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập ngày 08/8/1997. Các Thành viên của Hiệp hội là Brunei, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xia, Lào, Ma- lai-xia, My-an-ma, Phi-lip-pin, Xinh-ga-po, Thái Lan và Việt Nam. Ban Thư ký ASEAN đặt trụ sở tại Ja-ka-ta, In-đô-nê-xia.

Yêu cầu thông tin, liên hệ: Ban Thư ký ASEAN

Văn phòng Hướng tới cộng đồng và Xã hội dân sự (Public Outreach and Civil Society Division)

70A Jalan Sisingamangaraja Jakarta 12110

In-đô-nê-xia

Điện thoại : (62 21) 724-3372, 726-2991

Fax : (62 21) 739-8234,724-3504

E-mail :[public@asean.org](mailto:public@asean.org)

Dữ liệu mô tả tiền xuất bản

Hội nhập Dịch vụ trong ASEAN

Jakarta : Ban Thư ký ASEAN, Tháng 12 năm 2015

382.459

1. ASEAN – Công nghiệp Dịchvụ
2. Thương mại Dịch vụ –AFAS
3. Tự do hóa Dịch vụ – Đầu tư ISBN978-602-0980-68-3

Thông tin chung về ASEAN được đăng tải trực tuyến trên trang web của ASEAN tại: [www.asean.org](http://www.asean.org/)

Nội dung của ấn bản này có thể được tự do trích dẫn hoặc in ấn lại, với điều kiện có một lời cảm ơn chính thức được đưa ra và một bản lưu chứa nội dung in ấn lại được gửi tới Văn phòng Hướng tới cộng đồng và Xã hội dân sự của Ban Thư ký ASEAN, Jakarta.

Bản quyền thuộc về Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 2015. Bảo lưu mọi quyền.

**Mục lục**

* 1. [GIỚITHIỆU 1](#_bookmark0)
  2. [Quá trình hội nhập quốc tế trong Thương mạiDịchvụ 3](#_bookmark1)

[B1. Tầm quan trọng của Dịch vụ trong Sự phát triểnKinhtế 3](#_bookmark2)

[B2. Tình huống cho Hội nhập quốc tế trong thương mạidịchvụ 3](#_bookmark3)

[B3. Những nỗ lực quốc tế trong việc hội nhập trongdịchvụ 4](#_bookmark4)

* 1. [Khu vực dịch vụ trong nền kinhtếASEAN 5](#_bookmark5)
  2. [Tự do hóa Thương mại Dịch vụtrongASEAN 8](#_bookmark6)
     1. [Hiệp định khung ASEAN vềDịch vụ 8](#_bookmark7)
  3. [Cơ cấutổchức 8](#_bookmark8)
     1. [Ủy ban Điều phối về Dịchvụ(CCS) 9](#_bookmark9)
     2. [Ủy ban Điều phối về Đầutư(CCI) 10](#_bookmark10)
     3. [Ủy ban Công tác về Tự do hóa Dịch vụ Tài chính của ASEANtheoAFAS 10](#_bookmark11)
     4. [Đàm phán Khu vực về Vận tải Hàngkhông(ATSN) 10](#_bookmark12)

[D3. Tự do hóa AFAS theo các Bộ trưởng Kinh tếASEAN (AEM) 11](#_bookmark13)

* + 1. [Tiếp cận Tự do hóa theo Tự dohóaAFAS 12](#_bookmark14)
    2. [Mục A2 (Dòng chảy Dịch vụ Tự do) của về Kế hoạch Tổng thể Xây dựng Cộng đồng Kinh tếASEAN(AEC) 14](#_bookmark15)

[D4. Tự do hóa AFAS trong Dịch vụ Vận tảiHàng không 16](#_bookmark16)

[D.5 Tự do hóa AFAS trong các dịch vụtàichính 17](#_bookmark17)

* 1. [Mở rộng Tự do hóatheoAFAS 18](#_bookmark18)
  2. [Di chuyển Thể nhân và Các chương trình hành độngliênquan 20](#_bookmark19)

[F1. Thỏa thuận thừa nhậnlẫnnhau 20](#_bookmark20)

* + 1. [Các Thỏa thuận thừa nhận Lẫn nhau dưới Nhóm Công tác Khu vực về Dịch vụ Kinhdoanh 21](#_bookmark21)
    2. [Các Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau thuộc Nhóm Công tác Khu vực về Dịch vụ chăm sóc sứckhỏe 22](#_bookmark22)
    3. [MRA về Hành nghềDulịch 23](#_bookmark23)
  1. [Thỏa thuận ASEAN về Di chuyểnThểnhân 24](#_bookmark24)
  2. [Khung Tham chiếu Trình độASEAN (AQRF) 25](#_bookmark25)
  3. [Các Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN liên quan đến Thương mạiDịch vụ 27](#_bookmark26)
  4. [Tiếnbước 29](#_bookmark27)

[Phụ lục 1: Điểm yêu cầu thông tin vàliênlạc 30](#_bookmark28)

[Phụ lục 2 : Một số Thuật ngữ Cơ bản trong Thương mạiDịchvụ 32](#_bookmark29)

[Định nghĩa “thương mại dịch vụ”: 4 Phương thứccungứng 32](#_bookmark30)

[Các nguyên tắc cơ bản của tự do hóadịchvụ 32](#_bookmark31)

[Hiểu Biểu Cam kết Dịchvụ 33](#_bookmark32)

[Phụ lục 3: Phân loại Ngành dịch vụ và Phân ngànhdịchvụ 36](#_bookmark33)

[Phụ lục 4: Danh mục từviếttắt 38](#_bookmark34)

# GIỚITHIỆU

*“Dòng chảy thương mại dịch vụ tự do là một trong những nhân tố quan trọng trong việc hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN, nơi mà sẽ không có hạn chế đáng kể nào đối với các nhà cung ứng dịch vụ trong việc cung cấp dịch vụ và thành lập công ty xuyên biên giới quốc gia trong khu vực, tuân theo quy định trong nước.”* (Kế hoạch Tổng thểXây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN, tháng11/2007)

Thương mại dịch vụ là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình hội nhập kinh tế trong khu vực ASEAN. Initiative chính thức được khởi động trong năm 1995 qua việc ký kết ***Hiệp định Khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS)***, hai năm sau khi ASEAN tiến hành chương trình tiến tới Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA) cho thương mại hàng hóa qua ***Hiệp định về Thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung cho AFTA (CEPT)*** được ký vào năm 1993. AFAS cung cấp the mandate cho các cuộc đàm phán progressive về tự do hóa thương mại dịch vụ, thừa nhận rằng tự do hóa dịch vụ nội khối ASEAN sẽ làm tăng dòng chảy thương mại và đầu tư trong khu vực dịch vụ giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN và sẽ đóng góp cho toàn thể sự hội nhập kinh tế trong khu vực.

AFAS gắn liền với những quy định của ***Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ (GATS)***, hiệp định đa phương đầu tiên về dịch vụ được ký kết trong ***Vòng đàm phán Uruguay*** năm 19941. Những quyết định sau đó được đưa ra để củng cố hơn nữa sự tự do hóa dịch vụ trong ASEAN, cùng với việc duy trì sự thống nhất với những quy định của GATS.

Dòng chảy dịch vụ tự do là một thành tố thiết yếu trong việc xây dựng ***Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)***, một tầm nhìn sẽ được hiện thực trong năm 2020 bởi những người đứng đầu Nhà nước/Chính phủ các nước trong ASEAN qua ***Tuyên bố Hòa hợp Bali II***2 năm 2003. Quyết định sau đó tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 11 vào tháng 12/2005 để thúc đẩy sự tự do hóa thương mại dịch vụ trước năm 2015 đã tái khẳng định quyết tâm của ASEAN trong việc đẩy mạnh hội nhập trong khu vực dịch vụ và đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế của khu vực3. Trong tháng 11 năm 2007, sự hội nhập kinh tế ASEAN đã tiến thêm một bước nữa khi các nhà lãnh đạo các nước tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 13 vào 20 tháng 11 năm 2007 ở Xinh-ga-po, đã thông qua ***Kế hoạch Tổng thể Xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AECBlueprint)***4.

AEC Blueprint AEC có mục tiêu biến ASEAN trở thành một thị trường chung và dựa trên sản xuất, một khu vực kinh tế có tính cạnh tranh cao, một khu vực có sự phát triển kinh tế công bình và hội nhập toàn diện với nền kinh tế thế giới. Trong bối cảnh thương mại dịch vụ, AEC Blueprint tạo ra quyền thiết yếu cho sự tự do hóa thương mại dịch vụ tiếp nối, thông qua những hành động, mục tiêu và lịch trình cụ thể để đạt được dòng chảythương

1 So sánh với Hiệp định Chung về Thương mại và Thuế quan (GATT) được ký năm 1947, là hiệp định đa phương đầu tiền về thương mại hàng hóa. Bên cạnh GATS, Vòng Đàm phán U-ru-guay cũng dẫn đến việc thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

2 Tuyên bố hòa hợp ASEAN được hoàn thiện tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN được tổ chức vào 07/10/2003 tại Bali, In-do-ne- xia (vì thế thường được gọi là Tuyên bố hòa hợp Bali II).

3 Sau đó, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12 trong tháng 01/2007, các nhà lãnh đạo nhà nước/chính phủ ASEAN đẩy nhanh việc thành lập Cộng đồng ASEAN trong năm 2015 trong tất cả ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN là: Cộng đồng An ninh Chính trị (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN (ASCC).

4 [http://www.ASEAN.org/archive/5187-10.pdf](http://www.asean.org/archive/5187-10.pdf)

mại tự do trong ASEAN như một phần của mục đích hội nhập thành một thị trường duy nhất và dựa trên sản xuất.

Ấn phẩm này là phiên bản thứ tư của Hội nhập trong Dịch vụ của ASEAN. Nó hướng tới việc cung cấp không chỉ những thông tin cập nhật về những nỗ lực và thành tựu gần đây nhất của ASEAN trong hội nhập thương mại trong khu vực, mà còn nhiều chi tiết khác như số liệu. Phần sau đây cho thấy toàn cảnh thương mại dịch vụ trong ASEAN, các quá trình mang tính thể chế cho sự tự do hóa thương mại dịch vụ trong ASEAN, tình trạng và kết quá của sự tự do hóa theo AFAS, sự phát triển của các kế hoạch liên quan đến Hiện diện thể nhân và những thông tin mới nhất của Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN liên quan đến Thương mại Dịchvụ.

# Quá trình hội nhập quốc tế trong Thương mại Dịchvụ

## B1. Tầm quan trọng của Dịch vụ trong Sự phát triển Kinh tế

Dịch vụ bao gồm những hoạt động đa dạng từ dịch vụ cơ bản như chăm sóc sức khỏe, giáo dục và cung cấp nước cho tới hoạt động hạ tầng cơ sở như viễn thông, vận tải và dịch vụ năng lượng. Dịch vụ đi vào hoạt động kinh doanh trong mọi khu vực bao gồm sản xuất và những hoạt động kinh tế chính như nông nghiệp và khai khoáng. Bản thân dịch vụ chính là đầu ra cuối cùng của nền kinh tế. Chất lượng và hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ có tác động to lớn đến sự hiệu quả của việc xây dựng hạ tầng cơ sở và thúc đẩy thương mại, cũng như tính cạnh tranh của bất kỳ nền kinh tế nào.

Sự sẵn có và chất lượng của một số khu vực kinh tế, chẳng hạn như chăm sóc sức khỏe và giáo dục, đang trực tiếp ảnh hưởng đến đạt được các mục tiêu xã hội và phát triển. Tương tự như vậy, sự phát triển của một số khu vực dịch vụ mang theo mình các tác động về mặt xã hội như việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển con người, bình đẳng giới và nhiều hơn nữa.

Dịch vụ là một thành phần có tầm quan trọng ngày càng tăng trong đầu ra kinh tế của bất kỳ quốc gia nào. Trong khi nông nghiệp và công nghiệp là rất quan trọng, dịch vụ tiếp tục nhận được tỉ trọng đáng kể trong ***Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)*** của bất kỳ nước nào.

Với những tiến bộ nhanh chóng trong ***công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)*** kể từ những năm 1990, cũng như sự hiệu quả của việc vận tải hành khách và hàng hóa qua biên giới quốc gia gia tăng, sự đa dạng của các ngành và khối lượng dịch vụ được cung cấp qua biên giới đang tăng với tốc độ cao. Ngày càng có nhiều người sang nước ngoài để sử dụng dịch vụ du lịch, giáo dục và y tế, cũng như để cung cấp dịch vụ từ xây dựng đến phát triển phần mềm. Giống vậy, ngày càng có nhiều giao dịch kinh doanh và chuyển dự án dịch vụ như thiết kế kỹ thuật và tư vấn thị trường tài chính được thực hiện qua kênh điện tử như internet và những mạng lưới truyền thông khác.

Vì thế, không ngạc nhiên khi thương mại và ***đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)*** trong lĩnh vực dịch vụ đã tăng trưởng nhanh hơn trong lĩnh vực hàng hóa một vài thập kỷ trở lại đây.

## B2. Tình huống cho Hội nhập quốc tế trong thương mại dịch vụ

Mặc cho tầm quan trọng ngày càng tăng của mình, các giao dịch quốc tế trong dịch vụ tiếp tục bị cản trở bởi các hàng rào chính sách mà các chính phủ trên thế giới đưa ra, đặc biệt đối với đầu tư nước ngoài và sự di chuyển của các cá nhân cung cấp dịch vụ.

Sự tự do hóa các trở ngại đối với thương mại quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ là rất quan trọng xét trên nhiều khía cạnh. Nó tạo ra nhiều thu nhập và việc làm hơn cho các nước tiến hành tự do hóa và cũng xúc tiến khối lượng và chất lượng của các dịch vụ cho họ. Về lâu dài, sự tự do hóa tăng cường sự cạnh tranh và đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ, đồng thời bảo đảm tính minh bạch lớn hơn trong việc quản lý. Dù vậy, các thách thức vẫn tồn tại trong việc xúc tiến sự cạnh tranh lành mạnh, xây dựng những viện quản lý cần thiết để khắc phục thất bại thị trường, tiến hành cải cách khu vực dịch vụ một cách hợp lý và tạo ra những cơ chế để xúc tiến sự sẵn có của những dịch vụ quan trọng đặc biệt là trong bộ phân dân cư nghèo.

Trong khi các chính phủ có thể tiến hành cải cách dịch vụ một cách đơn phương, sự can thiệp quốc tế có thể thúc đẩy quá trình này. Các cuộc đàm phán quốc tế về tự do hóa thương mại dịch vụ thường là chất xúc tác cho việc mở cửa thị trường và cải cách hành chính của các quốc gia tham gia. Song song với quá trình này là sự hợp tác quốc tế về mặt quản lý được kỳ vọng sẽ giúp các nước (đặc biệt là các nước đang phát triển) củng cố và cải thiện các quy định về các ngành dịch vụ và thành lập các viện thi hành. Thực tế, hội nhập quốc tế trong thương mại dịch vụ đóng một vai trò quan trọng trong hội nhập tổng thể nền kinhtế.

## B3. Những nỗ lực quốc tế trong việc hội nhập trong dịch vụ

Thỏa thuận đa phương về thương mại hàng hóa đã có từ năm 1947 trong một hiệp định có tên là Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan (GATT) và đã thúc đẩy sự tăng trưởng của thương mại quốc tế toàn cầu. Chỉ nửa thế kỷ sau, thương mại dịch vụ đã được hội nhập vào hệ thống thương mại đa phương qua Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ (GATS) được ký kết năm 1994 và có hiệu lực vào 01/01/1995. GATS được đàm phán và ký kết trong Vòng đàm phán Uruguay thuộc các cuộc đàm phán thương mại đa phương thành lập nên Tổ chức Thương mại Thế giới(WTO).

GATS đặt ra khuôn khổ cho các nghĩa vụ và nguyên tắc quốc tế về việc điều chỉnh thương mại dịch vụ. Nó ràng buộc các cam kết của thành viên WTO ở một mức độ mở cửa thị trường nhất định trong nhiều ngành và phân ngành dịch vụ, như được quy định trong các biểu cam kết tương ứng. Nó cũng định nghĩa các tiêu chuẩn minh bạch (chẳng hạn như nghĩa vụ công bố tất cả các biện pháp thuộc phạm vi hiệp định của các thành viên WTO) và những nguyên tắc khác về sự điều hành hiệu quả trong các ngành dịch vụ.

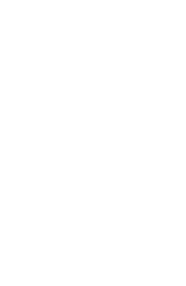
Các nỗ lực quốc tế để đẩy mạnh hội nhập dịch vụ không dừng lại ở đó. Trên thực tế, nhiều cuộc đàm phán đa phương theo GATS đã được khởi động từ tháng 11/2001 theo ***Chương trình Nghị sự Phát triển Doha (DDA),*** một quá trình vẫn còn đang tiếp tục cho tới ngày nay. Bên cạnh GATS, các hiệp định quốc tế đẩy mạnh tự do hóa thương mại dịch vụ ra đời ngày một nhiều tại các vùng khác nhau trên thế giới, ở mức độ song phương, khu vực hoặc đa phương. Nhìn chung, những hiệp định về dịch vụ này được đàm phán như một phần của việc đàm phán hiệp định kinh tế rộng giữa hai quốc gia hoặc nhiều hơn, thường được biết đến là Hiệp định thương mại tự do (FTA). Xu hướng ký kết các FTA ngày càng mạnh từ những năm 2000 cho đếnnay.

# Khu vực dịch vụ trong nền kinh tếASEAN

Dịch vụ là một khu vực có quy mô và liên tục tăng trưởng trong ***Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)*** của nền kinh tế các nước ASEAN. Trong năm 2013, trung bình mỗi Quốc gia Thành viên ASEAN thu về 45-55% GDP từ khu vực dịch vụ, so với khu vực nông nghiệp và công nghiệp. Thậm chí nền kinh tế nhỏ nhất khu vực , My-an-ma, hiện nay cũng sản sinh ra 38% đầu ra từ khu vực dịch vụ, trong khi Xinh-ga-po là nền kinh tế lớn nhất ASEAN sản sinh ra 72%.

**Biểu đồ 1**

**Tỉ trọng của khu vực dịch vụ trong GDP, 2013**



Brunei Darussalam

Cam-pu-chia In-do-ne-xia Lào

Ma-lai-xi-a My-an-ma Phi-lip-pin Xinh-ga-po Thái Lan

Việt Nam

0%

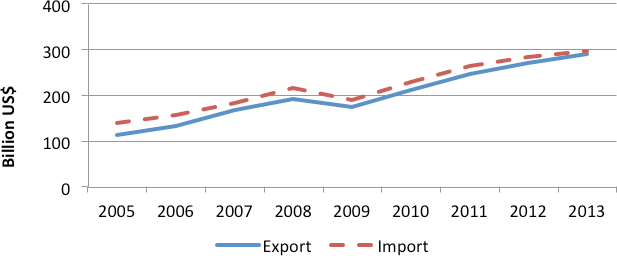
10% 20% 30% 40% 50% 60% 70% 80%

*(Nguồn: ASEANStats, 2015)*

Trong thương mại, xuất khẩu dịch vụ của ASEAN tăng từ 113,6 tỷ đô la Mỹ trong năm 2005 đến 291,9 tỷ đô la Mỹ trong năm 2013, tương đương với tăng trưởng 12,5% mỗi năm. Trong cùng giai đoạn đó, nhập khẩu dịch vụ của ASEAN tăng từ 140,7 tỷ usd lên 298,6 tỷ usd, tương đương với tăng 9,9%/năm. Lưu ý rằng có sự thụt giảm thương mại trong năm 2008 và 2009 do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới trong khoảng thời gianđó.

### Biểu đồ 2

**Xuất khẩu và Nhập khẩu Dịch vụ của ASEAN**



**XK**

**NK**

**Tỉ đô la Mỹ**

*(Nguồn: ASEANStats, 2014)*

Trong giai đoạn 2007-2013, các Quốc gia Thành viên ASEAN đã xuất khẩu từ 18-20% dịch vụ của mình tới các Quốc gia Thành viên ASEAN khác, và nhập khẩu khoảng từ 14-15% dịch vụ từ các Quốc gia Thành viên ASEAN khác.

### Biểu đồ 3

**Thương mại Dịch vụ Nội khối ASEAN**



**XK**

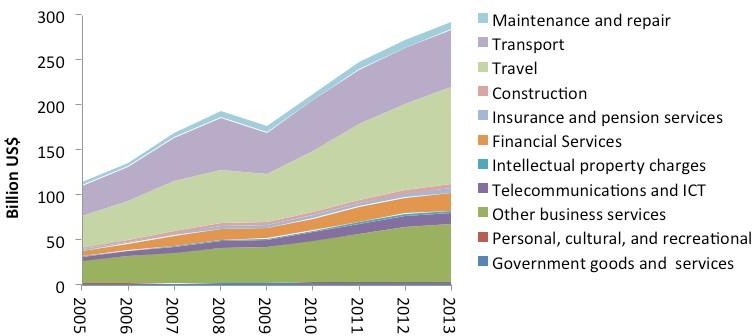
**NK**

*(Nguồn: ASEANStats, 2014)*

Liên quan đến 11 khu vực dịch vụ được phân theo tiêu chuẩn BPM55, khu vực đáng kể nhất được ASEAN xuất khẩu và nhập khẩu là vận tải, du lịch và những dịch vụ kinh doanh khác6. Trong năm 2013, xuất khẩu vận tải. du lịch và những dịch vụ kinh doanh khác của ASEAN lần lượt chiếm 21,8%, 37,1% và 22,1% tổng giá trị xuất khẩu. Trong cùng năm đó, giá trị nhập khẩu những dịch vụ này của ASEAN lần lượt chiếm 35,2%, 20,9% và 20,8% tổng giá trị nhậpkhẩu.

### Biểu đồ 4

**Xuất khẩu dịch vụ của ASEAN theo ngành**



Bào trì và sửa chữa Vận tải

Du lịch Xây dựng

Dịch vụ bảo hiểm và hưu trí Dịch vụ tài chính

Tài sản trí tuệ Viễn thông và ICT

Những dịch vụ kinh doanh khác Cá nhân, văn hóa và giải trí Thức ăn chính phủ và dịch vụ

**Tỉ đô la Mỹ**

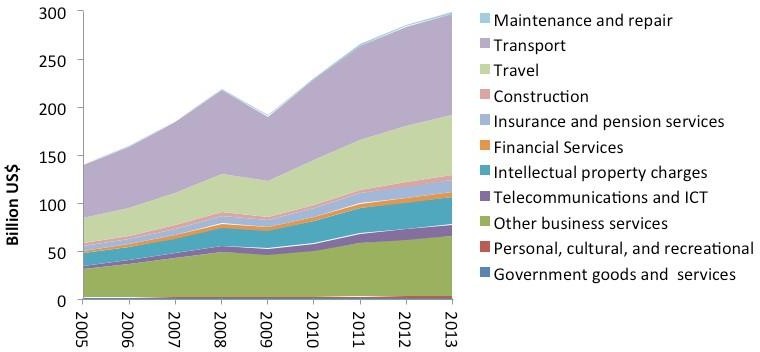
*(Nguồn: ASEANStats, 2015)*

5 BPM5 là phiên bản thứ năm của Sách hướng dẫn Cân bằng Thanh toán của IMF

6 Một số dịch vụ kinh doanh khác bao gồm dịch vụ trao đổi và liên quan đến thương mại; cho thuê vận hành; và dịch vụ kinh doanh chuyên nghiệp và kỹ thuật (như pháp chế, kế toán, quảng cáo và nhiều dịch vụ khác).

### Biểu đồ 5

**Nhập khẩu dịch vụ của ASEAN theo ngành**



Bảo trì và sửa chữa Vận tải

Du lịch Xây dựng

Dịch vụ bảo hiểm và hưu trí Dịch vụ tài chính

Tài sản trí tuệ Viễn thông và ICT

Những dịch vụ kinh doanh khác Cá nhân, văn hóa và giải trí Thức ăn chính phủ và dịch vụ

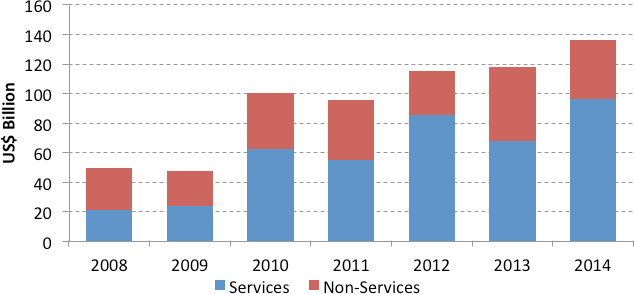
*(Nguồn: ASEANStats, 2015)*

**Tỉ đô la Mỹ**

Khu vực dịch vụ cũng thu hút một lượng đáng kể các khoản đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong thập kỷ vừa qua, đạt khoảng 40-50% tổng FDI được đưa vào ASEAN từ năm 2010.

### Biều đồ 6

**Dòng chảy FDI vào ASEAN theo khu vực**



Dịch

vụ

Phi dịch vụ

**Tỉ đô la Mỹ**

*(Nguồn: ASEANStats, 2015)*

# Tự do hóa Thương mại Dịch vụ trongASEAN

## Hiệp định khung ASEAN về Dịchvụ

Tiếp theo việc ký kết ***Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ***(GATS) của ***Tổ chức Thương mại Thế giới*** (WTO) trong năm 1994, ***Bộ trưởng Kinh tế các nước ASEAN (AEM)*** đã kết Hiệp định Khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS)7 vào ngày 5/12/1995 trong Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 5 tại Băng-cốc, Thái Lan. Việc ký kết AFAS là động thái cho thấy ASEAN thừa nhận tầm quan trọng ngày càng tăng của dịch vụ đối với nền kinh tế và nhu cầu củng cố và tăng cường thương mại dịch vụ trong ASEAN.

AFAS hướng đến:

* + - Củng cố sự hợp tác trong dịch vụ giữa các Quốc gia Thành viên để cải thiện hiệu quả và tính cạnh tranh, năng lực sản xuất đa dạng và cung ứng và phân phối dịch vụ của các nhà cung ứng dịch vụ trong và ngoàiASEAN.
    - Loại bỏ phần lớn các hạn chế đối với thương mại dịch vụ trong các Quốc gia Thành viên.
    - Tự do hóa thương mại dịch vụ bằng việc tăng chiều sâu và phạm vi tự do hóa ra ngoài những gì được các Quốc gia Thành viên thực hiện theo GATS với mục tiêu là hiện thực hóa một khu vực tự do thương mại dịchvụ.

AFAS đưa ra khung pháp lý cho việc tạo lập những tham số rộng cho phép các Quốc gia Thành viên từng bước cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và cung cấp đối xử quốc gia cho những nhà cung ứng dịch vụ của các Quốc gia Thành viên ASEAN8. Mọi quy định trong AFAS là thống nhất với các quy định quốc tế về thương mại dịch vụ như được GATS9 đưa ra.

Như đã đề cập ở trên, một trong số những mục tiêu của AFAS là tự do hóa thương mại dịch vụ tiến tới sự tự hóa vượt ra ngoài những cam kế cúa các Quốc gia Thành viên theo GATS. Điều này thường được biết đến là nguyên tắc ***GATS-cộng***. Nó có nghĩa là Quốc gia Thành viên ASEAN sẽ đưa ra các cam kết theo AFAS vượt ra ngoài cam kết GATS hoặc đưa ra những ngành/phân ngành dịch vụ chưa được đưa vào biểu cam kết GATS10. Với việc thông qua AEC Blueprint trong năm 2007, ASEAN tiếp tục nỗ lực của mình để tự do hóa hơn nữa tiến tới mục tiêu dòng chảy dịch vụ tự do, theo những mục tiêu mỗi hai năm và các ngưỡng được đặt ra theo AEC Blueprint và những tham số bổ sung mà AEM đưa ra.

## Cơ cấu tổchức

Hội nghị Các bộ trưởng kinh tế ASEAN (AEM) là cơ quan cấp bộ trưởng giám sát việc thực thi AFAS và sự tự do hóa trong thương mại dịch vụ, trừ dịch vụ tài chính vì nó được ***Hội***

7 [http://www.ASEAN.org/news/item/ASEAN-framework-agreement-on-services](http://www.asean.org/news/item/asean-framework-agreement-on-services)

8 Xem Phụ lục 2 về giải thích kỹ thuật cho “Tiếp cận thị trường” và “Đối xử quốc gia”

9 [http://www.wto.org/english/docs e/legal e/26-GATS.doc](http://www.wto.org/english/docse/legale/26-gats.doc)

10 Khi AFAS được ký năm 1995, Cam-pu-chia, CHDCND Lào và My-an-ma chưa gia nhập ASEAN, trong khi Cam-pu-chia, CHDCND Lào và Việt Nam chưa là thành viên của WTO. Tất cả hiện nay đã là thành viên ASEAN và đã gia nhập WTO. Cam kết WTO từ đó đã được đưa vào biểu cam kết AFAS. Đối với những nước không phải là thành viên WTO, các cam kết được đưa vào biểu được kỳ vọng không kém ưu đãi hơn những chính sách về dịch vụ sẵn có củahọ.

***nghị Bộ trưởng tài chính và Thống đống ngân hàng trung ương ASEAN (AFMGM)*** giám sát và dịch vụ vận tải hàng không do ***Hội nghị Bộ trưởng Vận tải ASEAN (ATM)*** giámsát.

Ở cấp chính thức, chính sách lao động về tự do hóa thương mại dịch vụ đang được thực hiện bởi 4 cơ quan chuyên ngành:

* ***Ủy ban Điều phối về Dịch vụ (CCS)***, báo cáo cho các Bộ trưởng Kinh tế qua Hội nghị Cán bộ Kinh tế Cao cấp(SEOM);
* ***Ủy ban Điều phối về Đầu tư (CCI)***, báo cáo cho các Bộ trưởng Kinh tế - Hội đồng Khu vực Đầu tư ASEAN (Hội đồng AEM-AIA) qua Hội nghị Cán bộ Kinh tế Cao cấp(SEOM);
* ***Ủy ban Công tác về Tự do hóa Dịch vụ Tài chính của ASEAN theo AFAS (WC-FSL)***, báo cáo cho các Bộ trưởng Tài chính ASEAN và Thống đốc Ngân hàng Trung ương (AFMGM) qua Hội nghị Thứ trưởng và Phó Thống đốc (AFCDM);và
* ***Đàm phán Khu vực về Vận tải Hàng không (ATSN)*** của Nhóm Công tác Vận tải Hàng không báo cáo cho các Bộ trưởng Vận tải ASEAN (ATM) qua Hội nghị Cán bộ Vận tải Cấp cao(STOM).

### Ủy ban Điều phối về Dịch vụ(CCS)

***Ủy ban Điều phối về Dịch vụ (CCS)*** được thành lập vào tháng 01/1996, tiếp nối việc ký kết Hiệp định Khung ASEAN về Dịch vụ (AFAS). CCS bao gồm các cán bộ chịu trách nhiệm cho việc phối hợp sự tự do hóa trong thương mại dịch vụ và nói chung được đại diện bởi các cán bộ từ bộ thương mại hoặc cơ quan hoạch định kinhtế.

Trong giai đoạn mới được thành lập, CCS được giao nhiệm vụ thực hiện các chương trình hành động về hội nhập dịch vụ theo AFAS với trọng tâm là 7 khu vực ưu tiên: vận tải hàng không, các dịch vụ kinh doanh, xây dựng, các dịch vụ tài chính, vận tải hàng hải, viễn thông và du lịch (Tuyên bố Băng-cốc, 1995)11.

Sau quyết định của Hội nghị AEM không chính thức trong tháng 6/1999, đã có một sắp xếp lại trách nhiệm, CCS được trao quyền tiến hành các hoạt động về hội nhập tất cả các khu vực dịch vụ, trừ vận tải hàng không và các dịch vụ kinh doanh12; và từ năm 2001, trừ các dịch vụ phái sinh từ sản xuất, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và khai khoáng. Những khu vực dịch vụ này được chuyển giao cho những cơ quan khác của ASEAN như đã nêu ở trên.

Có sáu nhóm làm việc khu vực được thành lập dưới CCS, bao trùm dịch vụ kinh doanh, xây dựng, chăm sóc sức khỏe, hậu cần và các dịch vụ vận tải, viễn thông và các dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ, công thêm một nhóm nhỏ về các dịch vụ giáo dục. Hiện tại, chỉ các nhóm làm việc khu vực về dịch vụ kinh doanh, chăm sóc sức khỏe, hậu cầnvàcácdịchvụvậntải,viễnthôngvàcácdịchvụcôngnghệthôngtinvàdịchvụlà

11 Tuyên bố Băng-cốc được đưa ra tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 5 cùng với việc ký kết AFAS.

12 Hội nghị AEM Không chính thức trong tháng 6/1999 tại Auckland, Niu Di-lân, nhất trí rằng công việc trong các ngành dịch vụ dưới thẩm quyền của các cơ quan cấp bộ sẽ được điều hành bởi các cơ quan cấp bộ tương ứng và những khu vực không được bất kỳ cơ quan ASEAN sẵn có quản lý sẽ tiếp tục được điều hành bởi CCS/SEOM/AEM. Tuy nhiên, sự phối hợp chung về tự do hóa dịch vụ vẫn sẽ thuộc quyền quyết định của AEM/SEOM. Tại Hội nghị AEM lần thứ 33 trong tháng 9/2001 tại Hà Nội, Việt Nam, Nhóm Công tác Khu vực về Du lịch, Nhóm Công tác Khu vực về Vận tải Hàng hải và Nhóm Đàm phán Viễn thông đã cho thấy sự sẵn sàng trở lại CCS cho các vòng đàm phán tiếp theo.

họp tích cực với CCS. Cho dù có những cuộc họp chính thức này, các Quốc gia Thành viên ASEAN sẽ vẫn tiến hành các hoạt động hội nhập và/hoặc thực hiện các cam kết trong toàn bộ phạm vi khu vực dịch vụ.

### Ủy ban Điều phối về Đầu tư(CCI)

Ủy ban Điều phối vềĐầu tư (CCI) được thành lập tại cuộc họp khai mạc của ***Hội đồng Khu vực Đầu tư ASEAN (AIA)*** vào tháng 10/1998, và có nhiệm vụ hỗ trợ Hội đồng trong việc thi hành các Hiệp định AIA13. Qua Thủ tục Sửa đổi Hiệp định Khung ASEAN về Khu vực Đầu tư14 được ký năm 2001, danh mục về hội nhập các dịch vụ phái sinh từ sản xuất, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và khai khoáng được chuyển qua quy trình AIA (nghĩa là CCI) để bảo đảm tính thống nhất với danh mục công việc hiện có của CCI về đầu tư trong ngành sản xuất, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và khai khoáng.

Trong năm 2008, ASEAN ký kết ***Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA)***15, tập hợp AIA và Hiệp định ASEAN về Xúc tiến và Bảo hộ Đầu tư và các thủ tục kèm theo. Theo ACIA, đầu tư trong mọi ngành, bao gồm những ngành dịch vụ này, sẽ được coi là được tự do hóa trừ khi bảo lưu được đưa ra đối với đối xử quốc gia và quản lý cấp cao và ban giám đốc trong những ngànhnày.

### Ủy ban Công tác về Tự do hóa Dịch vụ Tài chính của ASEAN theoAFAS

Ủy ban Công tác về Tự do hóa Dịch vụ Tài chính của ASEAN theo Hiệp định Khung ASEAN về Dịch vụ (WC-FSL) được thành lập tại Hội nghị các Bộ trưởng Tài chính ASEAN (AFMM) lần thứ tư vào 25-26/3/2000 tại Bandar Seri Begawan, Brunei Darussalam. Nó có tên viết tắt là “WC-AFAS” cho tới trước khi quyết định của Hội nghị lần thứ 12 của Ủy ban được tổ chức vào 26/12/2007 tại Pattaya, Thái Lan, sử dụng tên viết tắt là “WC-FSL”. WC-FSL báo cáo cho Hội nghị các Bộ trưởng Tài chính ASEAN (AFMM) qua Hội nghị Thứ trưởng Tài chính và Phó Thống đốc Ngân hàng Trung ương (AFDM). Sau quyết định của các Bộ trưởng Tài chính ASEAN, các Thống đốc Ngân hàng Trung ương và các Phó Thống đốc tại hội nghị trong ngày 21 và 19/3/2005 tại Kuala Lumpur, Ma-lai-xi-a thông qua tên mới; WC-FSL hiện báo cáo cho Hội nghị các Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Trung ương ASEAN (AFMGM) qua Hội nghị Thứ trưởng và Phó Thống đốc Ngân hàng Trung ương(AFCDM).

### Đàm phán Khu vực về Vận tải Hàng không(ATSN)

Đàm phán Khu vực về Vận tải Hàng không (ATSN) là một nhóm đàm phán chuyên ngành thuộc ***Nhóm Công tác Vận tải Hàng không (ATWG)***, thực hiện những công việc về tự do hóa dịch vụ vận tải hàng không theo AFAS. Nó được thành lập vào tháng 01/2000 nối tiếp sự hướng dẫn của Hội nghị***các Bộ trưởng Vận tải asaen (ATM)***lần thứnămtrongtháng9/1999tạiHàNội,ViệtNam,traonhiệmvụcho***HộinghịCánbộ***

[13http://www.ASEAN.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/Framework%20Agreement%20on%20the%20ASEAN%20Inv](http://www.asean.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/Framework%20Agreement%20on%20the%20ASEAN%20Investment%20Area%20(AIA)%201998.pdf)

[estment%20Area%20(AIA)%201998.pdf](http://www.asean.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/Framework%20Agreement%20on%20the%20ASEAN%20Investment%20Area%20(AIA)%201998.pdf)

[14http://www.ASEAN.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/Protocol%20to%20Amend%20the%20Framework%20Agreem](http://www.asean.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/Protocol%20to%20Amend%20the%20Framework%20Agreement%20on%20the%20ASEAN.pdf)

[ent%20on%20the%20ASEAN.pdf](http://www.asean.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/Protocol%20to%20Amend%20the%20Framework%20Agreement%20on%20the%20ASEAN.pdf)

[15http://www.ASEAN.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/ASEAN%20Comprehensive%20Investment%20Agreement%2](http://www.asean.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/ASEAN%20Comprehensive%20Investment%20Agreement)

[0(](http://www.asean.org/images/2012/Economic/AIA/Agreement/ASEAN%20Comprehensive%20Investment%20Agreement)ACIA)%202012.pdf

***Vận tải Cấp cao (STOM)*** đưa tự do hóa dịch vụ vận tải theo AFAS vào chương trình làm việc qua những Nhóm Công tác liên quan.16

## D3. Tự do hóa AFAS theo các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM)

Điều IV AFAS yêu cầu các Quốc gia Thành viên tiến hành đàm phán về các biện pháp ảnh hưởng đến thương mại trong những khu vực dịch vụ cụ thể và kết quả sẽ được đưa ra trong biểu cam kết. Ban đầu, các cuộc đàm phán được tổ chức thành các vòng đàm phán, mỗi vòng kéo dài ba năm. Cách tiếp cận và chỉ số cho sự tự do hóa được đặt ra cho mỗi vòng tương ứng. Sau bốn vòng, sự tự do hóa được tiến hành dựa trên một bộ mục tiêu và lịch trình như được quy định trong AEC Blueprint (xem thêm chi tiết tại mục D.3.2 bên dưới) cũng như các quyết định được áp dụng khác củaAEM.

Kết quả của các cuộc đàm phán được chính thức hóa thành các Gói Biểu Cam kết theo AFAS, cung cấp thông tin chi tết về sự tự do hóa các phân ngành dịch vụ được cam kết. Các Gói AFAS được tiến hành thông qua các Thủ tục được AEM ký. ASEAN cho đến nay đã hoàn thành chín gói cam kết trên nhiều ngành dịch vụ theo thẩm quyền của các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM). Những gói này được tiến hành qua các Thủ tục được AEM ký và cung cấp thông tin chi tiết về sự tự do hóa các ngành dịch vụ được cam kết17. Tám gói này baogồm:

Vòng 1 (1996 – 1998)

Gói 1, được ký ngày 15/12/19978 tại Kua-la Lam-pua, Ma-lai-xi-a Gói 2, được ký ngày 16/12/1998 tại Hà Nội, Việt Nam

Vòng 2 (1999 – 2001)

Gói 3, được ký ngày 31/12/2001 Vòng 3 (2002 – 2004)

Gói 4, được ký ngày 03/9/2004 tại Ja-ka-ta, In-đô-nê-xia Vòng 4 (2005 – 2006)

Gói 5, được ký ngày 08/12/2006 tại Ce-bu, Cộng hòa Phi-lip-pin Gói 6, được ký ngày 19/11/2007 tại Xing-ga-po

2007 – 2015

Gói 7, được ký ngày 26/02/2009 tại Cha-am, Thái Lan Gói 8, được ký ngày 28/11/2010 Hà Nội, Việt Nam

Gói 9, được ký ngày 27/11/2015 tại thành phố Ma-ka-ti, Cộng hòa Phi-lip-pin.

16 Vui lòng tham khảo chéo tới quyết định của Hội nghị AEM Không chính thức trong tháng 6/1999 được đề cập bên trên ghi rằng công việc trong các ngành dịch vụ dưới thẩm quyền của các cơ quan cấp bộ sẽ được điều hành bởi các cơ quan cấp bộ tương ứng và sự trở lại CCS của Nhóm Công tác Khu vực về Vận tải Hàng hải trong năm2001.

17 Xem Phụ lục 2 về giải thích kỹ thuật về biểu cam kết dịch vụ.

Văn kiện cam kết về dịch vụ theo AFAS của mỗi Quốc gia Thành viên ASEAN có thể được tải về từ trang web của Ban Thư ký ASEAN18. Mỗi Gói được hoàn thành đóng góp từng bước trong việc làm sâu sắc hơn mức độ và mở rộng phạm vi cam kết của các Quốc gia Thành viên ASEAN, từ đó loại bỏ đáng kể những hạn chế đối với thương mại dịch vụ giữa các quốc gia. Có một điều cần lưu ý là tại thời điểm bắt đầu của Gói 5, tất cả các cam kết GATS và AFAS trước đó được tập hợp lại thành một biểu cam kết duy nhất19 cùng với những cam kết mới và tiến bộ hơn được đưa ra trong Gói 5 và các gói tiếp sau đó.

### Tiếp cận Tự do hóa theo Tự do hóa AFASVòng thứ nhất (1996 –1998)

Tuyên bố Băng-cốc của Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 5 năm 1995 đặt ra yêu

cầu tiến hành ngay lập tức vòng đàm phán đầu tiên bắt đầu ngày 01/01/1996 phải được hoàn thành không muộn hơn ngày 31/12/1998. Các cuộc đàm phán sẽ tập trung vào các dịch vụ tài chính, vận tải hàng hải, viễn thông, vận tải hàng không, du lịch, xây dựng và các dịch vụ kinh doanh. Trong vòng thứ nhất, ASEAN đã thông qua request and offer approach cho việc tự do hóa thương mại tương tự với cách tiếp tận được thực hiện theo GATS. Các Quốc gia Thành viên ASEAN trao đổi thông tin với nhau về các cam kết theo GATS của mình và chính sách thương mại dịch vụ và sau đó yêu cầu mỗi qg tự do hóa xa hơn nữa những khu vực được đưa ra bêntrên.

### Vòng thứ hai (1999 – 2001)

ASEAN thông qua tiếp cận phân ngành chung trong vòng này theo ***Tham số Hướng dẫn Tự do hóa Thương mại Dịch vụ***, được đưa ra bởi Các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) tại Hội nghị lần thứ 31 được tổ chức tại Xinh-ga-po ngày 30/9/1999, quy định rằng:

Trong ngắn hạn, mục tiêu cho tất cả các Quốc gia Thành viên ASEAN là đưa ra cam kết trong những subsector. Một ngành/phân ngành dịch vụ được định nghĩa là ngành/phân ngành dịch vụ trong đó bốn Quốc gia Thành viên ASEAN hoặc nhiều hơn đã đưa ra cam kết theo GATS hoặc những gói AFAS trướcđó.

Trong dài hạn, mục tiêu sẽ là đạt được dòng chảy dịch vụ tự do trong tất cá các ngành dịch vụ và tất cả các phương thức cung cấp.

Theo cách tiếp cận này, các Quốc gia Thành viên được yêu cầu đưa ra biểu cam kết trong những phân ngành dịch vụ chung đã được xác định, sẽ được mở rộng cho tất cả các Quốc gia Thành viên ASEAN khác.

### Vòng thứ ba (2002 – 2004)

ASEAN thông qua ***Tiếp cận Phân ngành Chung Được thay đổi*** trong vòng này. Cách tiếp cận này về cơ bản là giống với Tiếp cận Phân ngành chung như đã giải thích ở trên,trừviệcmứcsànđãđượcthắtchặthơnđểđưavàocácphânngànhmàbaQuốc

18 [http://www.ASEAN.org/news/item/member-countries-horizontal-commitments-schedules-of-specifc-commitments-and-the-list-of-mostfavoured-nation-exemptions](http://www.asean.org/news/item/member-countries-horizontal-commitments-schedules-of-specifc-commitments-and-the-list-of-mostfavoured-nation-exemptions)

19 Việc loại trừ cam kết được đưa ra trong ngành tài chính, vận tải hàng không và các dịch vụ liên quan đến sản xuất, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và khai khoáng. Vui lòng tham khảo chéo mục D.2 bên trên về Cơ cấu tổ chức

gia Thành viên hoặc nhiều hơn đã đưa ra cam kết theo GATS và/hoặc những Gói AFAS trước, thay vì bốn Quốc gia Thành viên hoặc nhiều hơn; từ đó gia tăng số phân ngành được tự do hóa.

Trong giai đoạn này, ASEAN cũng có một cách tiếp cận mới là ***Công thức ASEAN X Trừ(ASEAN Minus X Formula)*** cho việc đàm phán tự do hóa dịch vụ. Theo cách tiếp cận này, hai Quốc gia Thành viên hoặc nhiều hơn có thể tiến hành tự do hóa một ngành/phân ngành dịch vụ mà không phải mở rộng những điều kiện đó cho Quốc gia Thành viên không tham gia. Những Quốc gia Thành viên khác có thể tham gia ở giai đoạn sau hoặc bất kỳ khi nào họ cảm thấy sẵn sàng để tham gia. Cách tiếp cận này bắt nguồn từ quyết định của AEM Retreat được tổ chức vào 06/7/2002 tại Genting Highlands, Ma-lai-xi-a. Một bộ tham số để thực hiện công thức này được ban hành qua ***Thủ tục Sửa đổi Hiệp định Khung của ASEAN về Dịch vụ***20 được AEM ký tại Hội nghị lần thứ 35 được tổ chức vào ngày 02/9/2003 tại Phnom-pênh, Cam-pu-chia. Cho tới nay, cách tiếp cận này đã dẫn đến 2 hiệpđịnh:

* + - * Hiệp định giữa CHDCND Lào và Xinh-ga-po về các dịch vụ giáo dục, được ký vào 09/9/2205 tại Kua-la Lăm-pua, Ma-lai-xi-a;và
      * Hiệp định giữa brunei và Xinh-ga-po về Các dịch vụ viễn thông, được ký vào 10/9/2014 tạiBrunei.

### Vòng thứ tư (2005 – 2007)

Vòng đàm phán AFAS thứ tư thậm chí còn tiến bộ hơn những vòng đàm phán trước. Nó yêu cầu các Quốc gia Thành viên đưa vào biểu cam kết một số phân ngành từ một danh sách phân ngành dịch vụ đã được thỏa thuận dựa trên những cấp độ ngưỡng sàn khác nhau, baogồm:

* + - * Đưa vào biểu cam kết “Không hạn chế” cho cam kết Phương thức 1 và 221, nghĩa là sẽ không có hạn chế về tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia trong hai phương thức này. Trong các phân ngành dịch vụ mà một Quốc gia Thành viên không thể đưa vào biểu cam kết điều trên, các lý do chính đáng phải được đưara.
      * Đưa vào biểu cam kết Phương thức 3 mức tham gia vốn nước ngoài đạt mức 49% trong những phân ngành dịch vụ ưu tiên, 51% cho phân ngành xây dựng và 30% cho những ngành dịch vụkhác.

### Kế hoạch Tổng thể Xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (2008 – 2015)

Trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2015, các Quốc gia Thành viên ASEAN thực hiện những cam kết tự do hóa của mình dựa trên những mục tiêu và lịch trình được vạch ra trong khu vực thương mại dịch vụ của Kế hoạch Tổng thể Xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC Blueprint)22 cũng như những quyết định sau đó được áp dụng của AEM. Blueprint là văn bản được Lãnh đạo Nhà nước/Chính phủ thông qua trong Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 13 được tổ chức vào 20/11/2007 tại Xinh-ga-po, nói rằng các đặc điểm và yếu tố của AEC sẽ được tạo lập trong năm 2015 với những mục tiêuvàlịchtrìnhrõràngchoviệcthihànhmộtsốbiệnpháp,cũngnhưsựlinhhoạt

20 [http://www.ASEAN.org/images/archive/AFAS Amendment Protocol.pdf](http://www.asean.org/images/archive/AFAS%20Amendment%20Protocol.pdf)

21 Xem Phụ lục 2 về giải thích kỹ thuật cho “Không hạn chế” và các phương thức cung ứng

22 [http://www.ASEAN.org/archive/5187-10.pdf](http://www.asean.org/archive/5187-10.pdf)

được thỏa thuận trước để thích ứng với lợi ích của tất cả các Quốc gia Thành viên ASEAN.

### Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) sau 2015

Giai đoạn tiếp theo của Cộng đồng ASEAN Tầm nhìn tới năm 2025 cũng nhưng blueprint cho AEC 2025, hiện đang được hoàn thành và sẽ được khởi động tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN trong tháng 11/2015.

### Mục A2 (Dòng chảy Dịch vụ Tự do) của về Kế hoạch Tổng thể Xây dựng Cộng đồng Kinh tếASEAN (AEC)

Dòng chảy thương mại dịch vụ tự do là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong việc hiện thực hóa Cộng đồng Kinh tế ASEAN, nơi mà về cơ bản sẽ không có hạn chế nào đối với các nhà cung ứng dịch vụ ASEAN trong việc cung cấp dịch vụ và thành lập công ty ở nước ngoài trong toàn khu vực theo các quy định trong nước. Tự do hóa dịch vụ đang được tiến hành qua các vòng đàm phán chủ yếu dưới Ủy ban Điều phối về Dịch vụ. Đàm phán về một số ngành dịch vụ cụ thể chẳng hạn như các dịch vụ tài chính và vận tải hàng không được thực hiện bởi các cơ quan cấp Bộ có liên quan. Trong việc tự do hóa các dịch vụ, không nên có việc rút lại cam kết, và sự linh hoạt được thỏa thuận trước sẽ được đưa ra cho tất cả các Quốc gia Thành viênASEAN.

Trong việc thúc đẩy dòng chảy dịch vụ tự do trong năm 2015, ASEAN cũng đang làm việc về việc thừa nhận chứng chỉ của những người hành nghề với mong muốn thúc đẩy sự di chuyển của họ trong khu vực.

AEC Blueprint bao gồm những hành động sau để đạt được dòng chảy dịch vụ tự do:

1. Loại bỏ đáng kể những hạn chế về thương mại dịch vụ trong 4 ngành dịch vụ ưu tiên, vận tải hàng không, e-ASEAN, chăm sóc sức khỏe và du lịch, trước hoặc trong năm 2010 và ngành dịch vụ ưu tiên thứ năm, dịch vụ hậu cần, trước hoặc trong năm2013;
2. Loại bỏ đáng kể những hạn chế về thương mại dịch vụ trong tất cả các ngành dịch vụ còn lại trước hoặc trong năm2015;
3. Thực hiện tự do hóa thông qua các cuộc đàm phán nối tiếp nhau mỗi hai năm cho tới năm 2015, nghĩa là 2008, 2010, 2012, 2014 và2015;
4. Đặt mục tiêu đưa vào biểu cam kết một số lượng tối thiểu những phân ngành mới ở mỗi vòng: 10 phân ngành trong 2008, 15 trong năm 2010, 20 trong năm 2012, 20 trong năm 2014 và 7 trong năm 2015, dựa trên cách phân loại của GATSW/120;
5. Đưa vào biểu cam kết các gói cam kếtở mỗi vòng theo những tham sốsau:
   * Không hạn chế nào đối với Phương thức 1 và 2, trừ trong những trường hợp có lý do chính đáng về mặt hành chính (như an ninh công cộng) tùy theo thỏa thuận của tất cả các Quốc gia Thành viên trong từng trường hợp nhấtđịnh.
   * Cho phép việc góp vốn nước ngoài (trong ASEAN) không ít hơn 51% trước hoặc năm 2008 và 70% trước hoặc trong năm 2010 đối với 4 khu vực dịch vụ ưu tiên; không ít hơn 49% trước hoặc trong năm 2008, 51% trước hoặc trong năm 2010 và 70% trước hoặc trong năm 2015 cho tất cả các ngành dịch vụ còn lại;và
   * Từng bước loại bỏ các hạn chế tiếp cận thị trường khác đối với Phương thức 3 trước hoặc trong năm2015.
6. Đưa ra các tham số cho sự tự do hóa đối với các hạn chế đối xử quốc gia, Phương thức 4 và những hạn chế trong cam kết chung cho mỗi vòng trước hoặc trong năm 2009;
7. Đưa vào biểu cam kết những cam kết theo những tham số đã thỏa thuận cho những hạn chế về đối xử quốc gia, Phương thức 4 và những cam kết chung được đưa ra trong năm2009;
8. Hoàn thành một bộ hàng rào đối với dịch vụ trước hoặc trong tháng8/2008;
9. Cho phép sự linh hoạt tổng thể23, bao trùm những phân ngành hoàn toàn bị loại bỏ khỏi sự tự do hóa và trong những phân ngành mà không phải tất cả các tham số tự do hóa thỏa thuận về phương thức cung ứng được đáp ứng, trong việc đưa vào biểu cam kết những cam kết về tự do hóa. Việc đưa vào biểu cam kết những cam kết về tự do hóa trong mỗi vòng sẽ được tuân theo những sự linh hoạtsau:
   * Khả năng theo kịp trong vòng tiếp theo nếu một Quốc gia Thành viên không thể đáp ứng được tham số của cam kết được đặt ra trong vòng đàm phán trước;
   * Cho phép thay thế các phân ngành đã được nhất trí tự do hóa trong một vòng đàm phán nhưng một Quốc gia Thành viên lại không thể đưa ra được cam kết, với những phân ngành ngoài những phân ngành đã thỏa thuận;và
   * Tự do hóa thông qua ASEAN Minus Xformula.
10. Hoàn thành các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) đang được đàm phán, về dịch vụ kiến trúc, dịch vụ kế toán, chứng chỉ khảo sát, người hành nghề y trước hoặc trong năm 2008 và nha sĩ y trước hoặc trong năm2009;
11. Tiến hành các MRA một cách hiệu quả, không tốn kém theo những quy định của mỗi MRA tươngứng;
12. Xác định và phát triển các MRA cho các dịch vụ chuyên nghiệp khác trước hoặc trong năm 2012, hoàn thành trước hoặc trong năm 2015;và
13. Đẩy mạnh phát triển nhân lực và năng lực xây dựng trong khu vực dịchvụ.

Đối với ngành dịch vụ tài chính24, Blueprint của AEC quy định rằng các biện pháp tự do hóa của ngành dịch vụ tài chính nên cho phép các thành viên bảo đảm một cách có trật tự sự phát triển ngành tài chính và sự duy trì tính ổn định tài chính và kinh tế-xã hội. Các Quốc gia Thành viên có thể được định hướng theo các nguyên tắc sau trong việc đặt ra các biện pháp tự dohóa:

1. Tự do hóa thông qua ASEAN Minus X Formula ở các Quốc gia Thành viên sẵn sàng tự do hóa có thể tiến hành trước và các nước khác có thể tham gia sau đó; và
2. Quá trình tự do hóa được thực hiện với việc cân nhắc kỹ lưỡng các mục tiêu chính sách quốc gia và mức độ phát triển kinh tế và tài chính của mỗi Quốc gia Thànhviên.

Blueprint của AEC chứa đựng những hành động sau cho sự tự do hóa dịch vụ tài chính:

23

24 Tất cá các biện pháp đối với ngành dịch vụ tài chính sẽ tuận theo những biện pháp có tính thận trọng và bảo hộ cân bằng thanh toán như được cung cấp dưới Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ của WTO.

1. Từng bước tự do hóa các hạn chế trong các phân ngành hoặc các phương thức nhưng được xác định bởi mỗi Quốc gia Thành viên trước hoặc trong năm 2015;và
2. Từng bước tự do hóa các hạn chế trong những phân ngành hoặc phương thức còn lại không được xác định trong “sự linh hoạt được thỏa thuận trước”, trước hoặc trong năm2020.

## D4. Tự do hóa AFAS trong Dịch vụ Vận tải Hàng không

Tự do hóa dịch vụ vận tải hàng không đã được thực hiện từ khi AFAS ra đời. Trước khi có sự sắp xếp lại trách nhiệm như được quyết định bởi Hội nghị không chính thức của các Bộ trưởng Kinh tế tháng 6/1999 (xem mục D.2. bên trên), các cam kết tự do hóa của các Quốc gia Thành viên ASEAN trong dịch vụ vận tải hàng không được đưa vào trong ba Gói AFAS được các Bộ trưởng Kinh tế ký (xem mục D.3. bên trên).

Cho tới nay, đã có thêm năm gói cam kết về vận tải hàng không theo AFAS được các Bộ trưởng Vận tải ASEAN ký25:

* + - * Gói thứ tư, được ký vào 23/11/2004 tại Phnom-pênh,Cam-pu-chia
      * Gói thứ năm, được ký vào 08/02/2007 tại Băng-cốc, TháiLan
      * Gói thứ bảy, được ký vào 10/12/2009 tại Hà Nội, ViệtNam
      * Gói thứ tám, được ký vào 16/12/2011 tại Phnom-pênh,Cam-pu-chia
      * Gói thứ chín, được ký vào 20/12/2013 tại Pakse, CHDCNDLào

Có điểm cũng cần lưu ý là bắt đầu từ Gói thứ bảy, tất cả các cam kết GATS và AFAS trước đây về dịch vụ vận tải hàng không được gói gọn lại thành một biểu cam kết toàn diện duy nhất cùng với những cam kết tiến bộ và mới hơn được đưa ra trong Gói thứ bảy và các gói tiếp theo.

Trong khi không được thực hiện theo AFAS, những hiệp định ASEAN quan trọng khác thúc đẩy quy định về dịch vụ vận tải hàng không trong ASEAN bao gồm:

* + - * Biên bản ghi nhớ của ASEAN về Dịch vụ Vận tải Hàng hóa Hàng không, được ký vào 19/12/2002 tại Ja-ka-ta, In-do-ne-xia và Thủ tục sửa đổi Biên bản, ký ngày 08/02/2007 tại Băng-cốc, TháiLan
      * Hiệp định đa phương ASEAN về Dịch vụ Hàng không, ký ngày 20/5/2009 tại Ma- ni-la,Phi-lip-pin
      * Hiệp định đa phương ASEAN về Tự do hóa Toàn diện Dịch vụ Chuyển hàng Hàng không, ký ngày 20/5/2009 tại Ma-ni-la,Phi-lip-pin
  + Hiệp định đa phương ASEAN về Tự do hóa toàn diện Dịch vụ Hành khách Hàng không, ký ngày 12/11/2010 tại Bandar Seri Begawan, BruneiDarussalam
  + Khung pháp lý tiến hành Thị trường Hàng không Thống nhất ASEAN (ASAM), được thông qua vào 15/12/2011 tại Phnom-pênh,Cam-pu-chia

25 Những gói này, cùng với những hiệp định khác của ASEAN về vận tải và liên lạc có tại [http://www.ASEAN.org/communities/ASEAN-economic-community/category/agreements-and-declarations](http://www.asean.org/communities/asean-economic-community/category/agreements-and-declarations)

## Tự do hóa AFAS trong các dịch vụ tàichính

Những cam kết của các Quốc gia Thành viên ASEAN về các dịch vụ tài chính theo AFAS bắt đầu xuất hiện trong Gói cam kết thứ hai được ký bởi các Bộ trưởng ASEAN năm 1998. Tiếp nối quyết định sắp xếp lại trách nhiệm được đưa ra trong Hội nghị các Bộ trưởng Kinh tế không chính thức vào tháng 6/1999 (xem mục D.2. bên trên), các vòng đàm phán sau đó về việc tiến hành các dịch vụ tài chính trong năm 2000 . Từ đó trở đi, những cam kết tiếp theo về các dịch vụ tài chính theo AFAS được ký bởi các Bộ trưởng tài chínhASEAN.

Cho đến nay, năm (5) gói cam kết AFAS khác về các dịch vụ tài chính đã được ký bởi Bộ trưởng Tài chính ASEAN26:

* + - Gói thứ hai, được ký vào 06/4/2002 tại Yan-gon,My-an-ma
    - Gói thứ ba, được ký vào 06/4/2005 tại Viên-chăng, CHDCNDLào
    - Gói thứ tư, được ký vào 04/4/2008 tại Đà Nẵng, ViệtNam
    - Gói thứ năm, được ký vào 04/5/2011 tại Hà Nội, ViệtNam
    - Gói thứ sáu, được ký vào 20/3/2015 tại Kuala Lumpur,Ma-lai-xi-a

Cần lưu ý là những cam kết về các dịch vụ tài chính được đưa ra từ trước theo Gói cam kết AFAS thứ hai được ký bởi các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN được xem là Gói thứ nhất, vì việc đánh số các Gói AFAS được các Bộ trưởng Tài chính ASEAN bắt đầu từ thứ hai. Ngoài ra, bắt đầu từ Gói thứ năm, tất cả các cam kết GATS và AFAS trước đây về các dịch vụ tài chính được gói gọn vào thành một biểu cam kết toàn diện duy nhất cùng với những cam kết tiến bộ và mới hơn trong Gói thứ hai và các gói tiếp theo.

Một đặc điểm quan trọng của Gói cam kết thứ sáu về các Dịch vụ Tài chính theo AFAS là sự đưa quy định liên quan đến ***Khung hội nhập Ngân hàng ASEAN (ABIF)*** được thực hiện bởi quy trình của các Thống đốc Ngân hàng Trung ương ASEAN vào đoạn 5 của Thủ tục thực hiện Gói này, ghirằng:

*“Phục vụ mục đích làm sâu sắc hội nhập ngân hàng trong khu vực, theo Điều IV bis của AFAS và theo sự hướng dẫn của các nguyên tắc và sự điều chỉnh của ABIF như đã được Hội nghị các Thống đốc Ngân hàng Trung ương ASEAN (ACGM) chấp thuận, hai hoặc nhiều hơn Quốc gia Thành viên có thể tiến hành các cuộc đàm phán và đồng ý tự do hóa ngành ngân hàng của mình. Bất kể Điều X của AFAS đặt ra yêu cầu ba năm tối thiểu cho việc sửa đổi hoặc rút Biểu cam kết Cụ thể, mỗi Quốc gia Thành viên tham gia có thể kết thúc đàm phán tại bất kỳ thời điểm nào và sẽ ghi các cam kết của mình về ngành ngân hàng trong Biểu cam kết Cụ thể Được củng cố về Dịch vụ Tài chính như được nhắc tới tại khoản 3. Bất kỳ sự mở rộng nào về đối xử ưu tiên trong ngành ngân hàng cho các Quốc gia Thành viên còn lại trên cơ sở Tối huệ quốc là tự nguyện theo các Quốc gia Thành viên tham gia”.*

26 Những gói này, cùng với những hiệp định ASEAN về vận tải và liên lạc có tại [http://www.ASEAN.org/communities/ASEAN-economic-community/category/agreements-and-declarations](http://www.asean.org/communities/asean-economic-community/category/agreements-and-declarations)

# Mở rộng Tự do hóa theoAFAS

Bằng mỗi gói tự do hóa nối tiếp nhau, ASEAN đã nỗ lực để tạo ra dòng chảy dịch vụ và đầu tư tự do trong nhiều ngành dịch vụ thông qua các mức độ cam kết cao hơn, chắc chắn hơn và các quy tắc có thể dự đoán trong tất cá các phân ngành đã được cam kết.

Ngành và phân ngành được bao trùm gồm các hoạt động kinh doanh như:

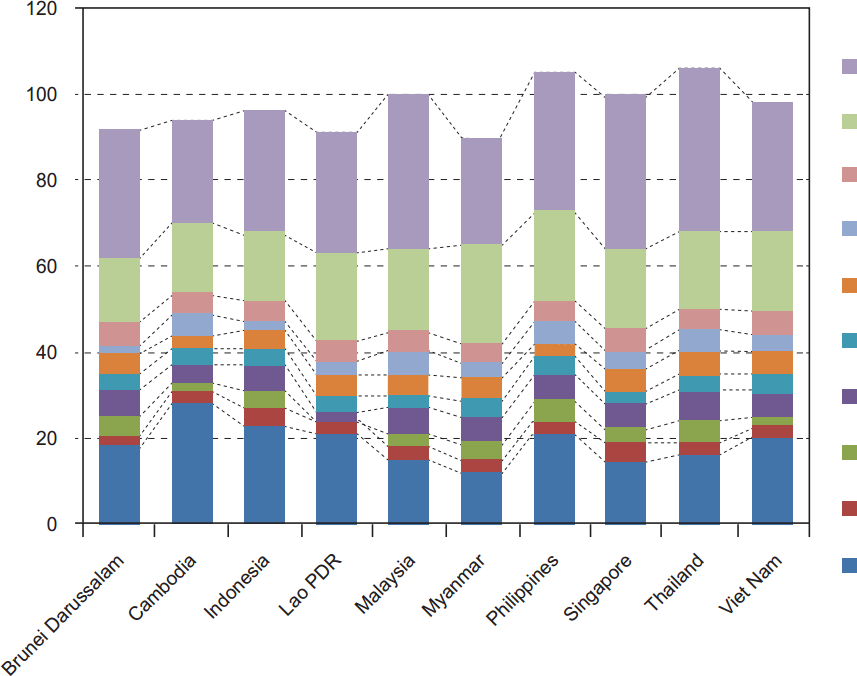
* Vận tải hàng không: cung cấp và marketing dịch vụ vận tải hàng không, đặt chỗ qua máy tính, sửa chữa và bảo dưỡng máy bay,v.v.
* Dịch vụ kinh doanh: dịch vụ công nghệ thông tin, kế toán, kiểm toán, pháp chế, kiến trúc, kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển, các dịch vụ liên quan đến máy tính, quảng cáo,v.v.
* Xây dựng: xây dựng các tòa nhà thương mại, kỹ thuật dân dụng, lắp đặt công trình, cho thuê thiết bị xây dựng,v.v.
* Phân phối: dịch vụ đại lý hoa hồng, bán buôn, bán lẻ,v.v.
* Giáo dục: giáo dục người lớn, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học,v.v.
* Môi trường: nước thải, vệ sinh môi trường, giảm thiểu tiếng ồn, dịch vụ bảo vệ thiên nhiên và cảnh quan,v.v.
* Các dịch vụ tài chính: ngân hàng, bảo hiểm, thị trường vốn,v.v.
* Chăm sóc sức khỏe: dịch vụ y tế và nha khoa, dịch vụ bệnh viện, chăm sóc, cấp cứu,v.v.
* Viễn thông: dịch vụ điện thoại, dịch vụ điện thoại di động, dịch vụ mạng lưới kinh doanh, truyền dữ liệu và tin nhắn, thư điện tử,v.v.
* Vận tải: vận tải hành khách và hàng hóa quốc tế, sửa chữa và bảo trì thiết bị vận tải, bảo quản và lưu kho, chuyển tiếp hàng hóa,v.v.
* Du lịch: dịch vụ khách sạn và nhà nghỉ, phục vụ đồ ăn, vận hành chuyến du lịch, đại lý du lịch,v.v.

Theo Gói AFAS thứ chín được ký bởi các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM), các Quốc gia Thành viên ASEAN đã đưa ra cam kết tự do hóa nhiều ngành và phân ngành dịch vụ, trải từ 90 đến 108 phân ngành trên tổng 128 phân ngành trong thẩm quyền của AEM27.

27 Vui lòng xem Phụ lục 3 về Phân loại Ngành và Phân ngành Dịch vụ. Tổng số phân ngành là 155. Trừ đi số phân ngành dịch vụ tài chính và dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không, kết quả là 128 phân ngành.

### Biều đồ 7:

**Các phân ngành được đưa vào biểu cam kết bởi các Quốc gia Thành viên ASEAN theo Gói AFAS thứ 9**



Dịch vụ kinh doanh Liên lạc

Xây dựng

Phân phối Giáo dục Môi trường

Chăm sóc sức khỏe Giải trí

Tour và du lịch

Vận tải

*Chú thích: Sự bao trùm các ngành không phản ánh mức độ mở của bất kỳ ngành nào vì mỗi nước có thể thay đổi độ mở trong cam kết của mình trong các phương thức cung cấp khác nhau trong mỗi phân ngành dịch vụ.*

*Nguồn: Đánh giá của Ban Thư ký ASEAN*

ASEAN tiếp tục mở rộng và đi làm sâu sắc hơn sự tự do hóa tiến tới bao trùm tất cả các ngành và phân ngành để đạt được dòng chảy dịch vụ tự do, phụ thuộc vào sự linh hoạt đã được vạch ra trong Blueprint AEC.

Các nhà cung cấp dịch vụ trong ASEAN muốn tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ xuyên biên giới tại một Quốc gia Thành viên ASEAN khác sẽ có thể nhận ra rằng ngày càng dễ làm điều đó hơn qua các năm. Chi tiết về cam kết của mỗi Quốc gia Thành viên ASEAN về việc mở cửa ngành và phân ngành dịch vụ trong các Gói cam kết AFAS mới nhất có tại [www.ASEAN.org](http://www.asean.org/).

# Di chuyển Thể nhân và Các chương trình hành động liên quan

**Di chuyển Thể nhân (*Movement of Natural Persons – MNP)*,** hay còn được gọi là ***“Phương thức 4”***, là một trong bốn cách mà dịch vụ có thể được cung cấp qua biên giới quốc gia. MNP là việc cung ứng dịch vụ của cá nhân di chuyển từ một nước một cách tạm thời, nghĩa là không có ý định làm việc là di trú dài hạn. Phương thức 4 là một phần không tách rời của mọi Gói Cam kết theo AFAS, cho đến khi các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) ký một Hiệp định ASEAN riêng biệt về MNP vào tháng 11/2012.

ASEAN đã thực hiện một vài chương trình hành động để thúc đẩy tính cơ động của những người liên quan đến các quy định xuyên biên giới về dịch vụ. Nó bắt đầu vói Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau (MRA), sau đó là Hiệp định ASEAN vềMNP và nhiều chương trình gần đây về Khung Tham chiếu Trình độ ASEAN(AQRF).

## F1. Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau

***Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA)*** là một chương trình quan trọng trong tiến trình hội nhập thương mại dịch vụ của ASEAN. Các MRA thúc đẩy thương mại dịch vụ bằng sự thừa nhận lẫn nhau về thẩm quyền, giấy phép, chứng chỉ hành nghề của những người cung cấp dịch vụ có được ở một Quốc gia Thành viên ASEAN của một Quốc gia Thành viên ASEAN khác. Mục tiêu của MRA là thúc đẩy dòng chảy chuyên gia nước ngoài có tính đến những quy định trong nước và điều kiện nhu cầu của thị trường.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ bảy được tổ chức vào 05/11/2001 tại Bandar Seri Begawan, Brunei Darussalam, lãnh đạo các nước ASEAN mandated sự bắt đầu các cuộc đàm phán về MRA để thúc đẩy dòng chảy các dịch vụ chuyên nghiệp theo AFAS. Hội đồng Phối hợp ASEAN về Dịch vụ (CCS) thành lập một Nhóm Chuyên gia ad-hoc về các MRA dưới Nhóm Làm việc Khu vực về Dịch vụ Kinh doanh trong tháng 7/2003 để bắt đầu đàm phán về các MRA trong dịch vụ. Sau đó, Nhóm Làm việc Khu vực về Chăm sóc sức khỏe được thành lập vào tháng 3/2004 và đã tiến hành các cuộc đàm phán về MRAs trong ngành chăm sóc sức khỏe theo chương trình nghị sự thường xuyên của mình.

Các MRA trong 7 (bảy) dịch vụ chuyên nghiệp đã được hoàn thành và ký kết bởi các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM)28:

* MRA về Dịch vụ Kỹ thuật (09/12/2005 tại Kuala Lumpur, Ma-lai-xi-a);
* MRA về Dịch vụ Điều dưỡng (08/12/2006 tại Cebu,Phi-lip-pin);
* MRA về Dịch vụ Kiến trúc (19/11/2007 tạiXinh-ga-po);
* Hiệp định Khung về Thừa nhận Lẫn nhau Chứng chỉ Khảo sát (19/11/2007 tại Xinh-ga-po);
* MRA về Hành nghề Y (26/2/2009 tại Cha-am, TháiLan);
* MRA về Hành nghề Nha khoa (26/2/2009 tại Cha-am, Thái Lan);và

28 [http://www.ASEAN.org/communities/ASEAN-economic-community/category/agreements-declarations-12](http://www.asean.org/communities/asean-economic-community/category/agreements-declarations-12)

* Khung Thừa nhận Lẫn nhau về Dịch vụ Kế toán (26/2/2009 tại Cha-am, Thái Lan); được sửa đổi thành MRA về Dịch vụ Kế toán (13/11/2014 tại Nay Pyi Taw, My-an- ma).

Bên cạnh đó, cũng có một Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau của ASEAN về Nghề Du lịch được ký bởi các Bộ trưởng Du lịch ASEAN vào 09/11/2012 tại Băng-cốc, Thái Lan29. Những MRA này hiện đang ở trong những giai đoạn triển khai và kèm theo các chương trình hành động khác nhau.

### Các Thỏa thuận thừa nhận Lẫn nhau dưới Nhóm Công tác Khu vực về Dịch vụ Kinhdoanh

Việc triển khai các MRA về kỹ thuật, kiến trúc, kế toán và khảo sát, trong lúc được tiến hành bởi các Ủy ban Phối hợp tương ứng như được quy định trong MRA, được giám sát và điều phối bởi ***Nhóm Công tác Khu vực về Dịch vụ Kinh doanh (BSSWG)*** thuộc Ủy ban Phối hợp về Dịch vụ của ASEAN(CCS).

### MRA về Dịch vụ Kỹ thuật

MRA về Dịch vụ Kỹ thuật là MRA về dịch vụ đầu tiên được thành lập dưới CCS. Nó hướng đến một hệ thống đăng ký toàn ASEAN cho phép những ***Kỹ sư Chuyên nghiệp (PE)*** đã đăng ký trong một Quốc gia Thành viên ASEAN được chứng nhận là một ***Kỹ sư Chuyên nghiệp ASEAN (ACPE)*** và cuối cùng làm việc với tư cách là ***Kỹ sư Chuyên nghiệp Nước ngoài Đã đăng ký (RFPE)*** tại một Quốc gia Thành viên ASEAN khác trong mối quan hệ với những Kỹ sư Chuyên nghiệp được chỉ định ở nước tiếp nhận.

Việc quản lý của MRA ở cấp độ ASEAN được thực hiện bởi ***Ủy ban Điều phối Kỹ sư Chuyên nghiệp ASEAN (ACPECC)***. Chức chủ tịch của ACPECC luân chuyển giữa các Quốc gia Thành viên ASEAN mỗi hai năm. ACPECC có một ban thư ký thường trực tại Ja-ka-ta và được điều hành bởi PRA của In-do-ne-xia. Ban thư ký ACPECC cũng quản lý trang web của ACPECC: [www.acpecc.net](http://www.acpecc.net/).

Tất cả các Quốc gia Thành viên ASEAN đã chính thức tham gia MRA, đã thành lập những viện nghiên cứu theo quy định và đã hoàn thành các thủ tục để cấp giấy chứng nhận ACPE. Cho đến tháng 10/2015, đã có 1.438 ACPE đăng ký từ 9 Quốc gia Thành viên, và 6 trong số đó đã được đăng ký trở thành RPFE.

### MRA về Dịch vụ Kiến trúc

MRA này hướng đến một hệ thống đăng ký toàn khu vực ASEAN cho phép các Kiến trúc sư đã đăng ký tại một Quốc gia Thành viên ASEAN được chứng nhận là một ***Kiến trúc sư ASEAN (AA)*** và được làm việc như một ***Kiến trúc sư Nước ngoài Đã đăng ký (RFA)*** tại một Quốc gia Thành viên ASEAN khác kể cả độc lập hay hợp tác với một một hay nhiều Kiến trúc sư được cấp phép tại nước tiếpnhận.

Sự quản lý của MRA ở cấp độ ASEAN được thực hiện bởi ***Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN (AAC)***. Chức chủ tịch và Ban Thư ký ACC luân chuyển giữa các Quốc gia

29 [http://www.ASEAN.org/images/2013/economic/matm/MRA Tourism Professionals bw.pdf](http://www.asean.org/images/2013/economic/matm/MRA%20Tourism%20Professionals%20bw.pdf)

Thành viên mỗi hai năm. Ban Thư ký AAC cũng quản lý trang web của AAC: [www.ASEANarchitectcouncil.org](http://www.aseanarchitectcouncil.org/).

Tất cả các Quốc gia Thành viên đã chính thức tham gia MRA này, đã thành lập những viện nghiên cứu theo quy định và đã hoàn thành các thủ tục để cấp giấy chứng nhận AA. Cho đến tháng 10/2015, đã có 284 AA đăng ký từ 9 Quốc gia Thành viên.

### MRA về Dịch vụ Kế toán

MRA về Dịch vụ Kế toán được ký lần đầu vào tháng 2/2009 dưới dạng Khung Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau để khuyến khích các Quốc gia Thành viên ASEAN đã sẵn sàng, đểđi vào đàm phán song phương hoặc đa phương về các MRA về Dịch vụ Kế toán. Sau đó, một MRA ASEAN sửa đổi về Dịch vụ Kế toán đã được ký bởi các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) vào 13/11/2014 tại Nay Pyi Taw, My-an-ma. MRA này hiện được áp dụng tai mọi Quốc gia Thành viên ASEAN cho những dịch vụ liên quan đến kế toán trừ việc ký báo cáo độc lập của kiểm toán viên và những dịch vụ kế toán khác yêu cầu giấy phép nội địa tại một Quốc gia Thành viên ASEAN.

MRA này hướng đến một hệ thống đăng ký toàn khu vực ASEAN cho phép ***Kế toán viên Chuyên nghiệp (PA)*** đã đăng ký tại một Quốc gia Thành viên ASEAN được chứng nhận là ***Kế toán viên Chuyên nghiệp ASEAN (ACPA)*** và làm việc với tư cách là ***Kế toán viên Chuyên nghiệp Nước ngoài Đã đăng ký (RFPA)*** tại các Quốc gia Thành viên ASEANkhác.

Việc quản lý MRA này ở cấp độ ASEAN được thực hiện bởi ***Ủy ban Điều phối Kế toán viên Chuyên nghiệp ASEAN (ACPACC)***. Ủy ban này bắt đầu họp trong tháng 10/2015 tiếp nối việc thành lập ***Ủy ban Điều hành (MC)*** của tất cả các Quốc gia Thành viên ASEAN.

### MRA về Dịch vụ Khảo sát

MRA này cung cấp một khung pháp lý để thúc đẩy cac Quốc gia Thành viên ASEAN đã sẵn sàng tham gia đàm phán song phương hoặc đa phương về các MRA về chứng chỉ khảo sát trong các quốc gia này cũng như xúc tiến việc trao đổi thông tin, chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất phù hợp cho những nhu cầu cụ thể của họ.

Cơ quan có thẩm quyền của Khung Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau về Dịch vụ Khảo sát hiện đang họp thường xuyên để thảo luận về thực tiễn của mỗi yếu tố cơ bản cho việc thừa nhận các Chứng chỉ Khảo sát trong ASEAN với mong muốn xác định khả năng tiến hành MRA song phương và đa phương giữa các nước, cũng như khả năng đạt được một MRA toàn khu vực ASEAN. Cho đến nay, vẫn chưa có MRA song phương hoặc đa phương nào được kýkết.

### Các Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau thuộc Nhóm Công tác Khu vực về Dịch vụ chăm sóc sức khỏe

Việc thi hành các MRA về điều dưỡng, hành nghề y, hành nghề nha khoa được thực hiện bởi các Ủy ban Phối hợp Chung của ASEAN (AJCCs) tương ứng như được quy định trong các MRA này. Ủy ban được giám sát và điều phối bởi Nhóm Công tác Khu vực về Dịch vụ chăm sóc sức khỏe (HSSWG) thuộc Nhóm Công tác về Dịch vụ của ASEAN (CCS). Ba AJCCs là:

* + - * Ủy ban Điều phối Chung của ASEAN về Hành nghề Y(AJCCM)
      * Ủy ban Điều phối Chung của ASEAN về Điều dưỡng(AJCCN)
      * Ủy ban Điều phối Chung của ASEAN về Hành nghềNha khoa (AJCCD) Mục tiêu của ba MRA liên quan đến sức khỏelà:
      * Thúc đẩy tính cơ động của những người hành nghề trongASEAN;
      * Trao đổi thông tin và tăng cường sự hợp tác trên phương diện thừa nhận lẫn nhau những người hànhnghề;
      * Xúc tiến việc áp dụng những thông lệ tốt nhất về các tiêu chuẩn và chứng chỉ; và
      * Cung cấp cơ hội cho việc xây dựng và đào tạo nănglực.

Phù hợp vói những mục tiêu của các MRA này, những công việc được thực hiện bởi các AJCC làđể:

* + - * Trao đổi thông tin liên quan đến luật, thông lệ và sự phát triển trong thực tiễn ngành chăm sóc sứckhỏe;
      * Trao đổi thông tin liên quan đến các thủ tục đăng ký và cấp phép cho những người hành nghề trong và ngoài nước tại mỗi Quốc gia Thành viênASEAN;
      * Trao đổi về những chứng chỉ cầnthiết;
      * Xác định và thực hiện những chương trình traođổi;
      * Xác định những khu vực tiềm năng để thúc đẩy hơn nữa tính cơ động;và
      * Rà soát các MRA theo thẩmquyền.

MRA về dịch vụ chăm sóc sức khỏe không sử dụng hệ thống đăng ký toàn ASEAN như hệ thống của dịch vụ kinh doanh. Phương thức di chuyển phù hợp của những người hành nghề chăm sóc sức khỏe tiếp tục được tìm kiếm, với sự an toàn của bệnh nhân là yếu tố được cân nhắc nhất. Thông tin về các thủ tục đăng ký và cấp phép cho người hành nghề nước ngoài ở mỗi Quốc gia Thành viên ASEAN đã được chia sẻ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký và cấp phép cho những người hành nghề chăm sóc sức khỏe tại ASEAN.

Những thông tin khác, bao gồm thông tin hiện có về các thủ tục đăng ký và cấp phép cho người hành nghề nước ngoài tại mỗi Quốc gia Thành viên ASEAN, có trên trang web của ASEAN về dịch vụ chăm sóc sức khỏe: [http://www.ASEAN.org/communities/ASEAN-economic-community/category/healthcareservices](http://www.asean.org/communities/asean-economic-community/category/healthcareservices).

### MRA về Hành nghề Dulịch

MRA của ASEAN về Hành nghề Du lịch thúc đẩy tính cơ động của những người hành nghề du lịch trong ASEAN thông qua thỏa thuận về tính tương đương của thủ tục chứng nhận và cấp chứng chỉ trên toàn khu vựcASEAN.

Một người hành nghề du lịch ASEAN có thể được thừa nhận bởi các Quốc gia Thành viên ASEAN khác và sẽ được quyền làm việc tại nước tiếp nhận, nếu người đó có

chứng chỉ hành nghề có hiệu lực với chức danh công việc được quy định tại ***Tiêu chuẩn Trình độ Chung cho Nghề Du lịch của ASEAN (ACCSTP)***, được ban hành bởi ***Hội đồng Chứng nhận Nghề Du lịch (TPCB)*** tại một Quốc gia Thành viên ASEAN. Quyền làm việc tại quốc gia tiếp nhận sẽ tuân theo luật và quy định của nước đó. Việc thi hành tổng thể của MRA này được giám sát bởi ***Ủy ban Điều hành Nghề Du lịch của ASEAN(ATPMC)***.

Hiện tại, có 6 khu vực mà những người hành nghề du lịch ASEAN có thể tìm kiếm việc làm tại Quốc gia Thành viên ASEAN khác: Bộ phận tiền sảnh, Nghiệp vụ Buồn phòng, Sản xuất Thức ăn, Dịch vụ Thức ăn và Nước uống (cho Dịch vụ Khách sạn), Đại lý du lịch và Điều hành du lịch. Để cung cấp những dịch vụ này, có 242 Hộp công cụ chứa: tiêu chuẩn năng lực, sách hướng dẫn cho người thực tập, sách hướng dẫn cho người đào tạo, sách hướng dẫn cho người đánh giá, báo cáo của bên thứ ba, danh sách quan sát, danh sách kiểm tra quan sát, tài liệu đánh giá và đơn vị mẫu bao gồm ghi chú của người thực tập và bài trình bày PowerPoint.

Trong việc duy trì bảo đảm chất lượng để những người lao động nhận được chứng chỉ, ***Hệ thống Đăng ký Nghề Du lịch của ASEAN (ATPRS)*** đang được triển khai để tạo điều kiện cho quá trình đăng ký của những người lao động có chứng chỉ ASEAN để ghi lại tất cả thông tin cần thiết. ATPRS dự kiến sẽ được hoàn thành trong tháng 12/2015. Để xúc tiến việc thi hành MRA, một Ban Thư ký Khu vực sẽ được thành lập để hỗ trợ hoạt động và quản lý cũng như tiến hành các dự án và hoạt động có liên quan.

Chi tiết về các cơ chế và yêu cầu mà MRA đặt ra được giải thích trong Sổ tay Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau của ASEAN về Nghề Du lịch30.

## Thỏa thuận ASEAN vềDi chuyển Thểnhân

***Thỏa thuận ASEAN về Di chuyển Thể nhân (MNP)***31 được ký bởi các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) vào 19/11/2012 tại Phnom-pênh, Cam-pu-chia. Nó được coi là một khung pháp lý để tiến tới việc loại bỏ phần lớn các hạn chế đối với sự di chuyển tạm thời qua biên giới của thể nhân liên quan đến các quy định về thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư. Nó cũng được dự định là một cơ chế để tự do hóa và thúc đẩy hơn nữa sự di chuyển của thể nhân để hướng đến dòng chảy tự do của người lao động có tay nghề trong ASEAN qua sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan ASEAN trong các lĩnh vực, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, di trú và lao động.

Mục tiêu của Thỏa thuận MNP là:

* Cung cấp quyền và nghĩa vụ trong mối quan hệ với MNP như được đặt ra trong Hiệp định Khung của ASEAN về Dịch vụ(AFAS).
* Thúc đẩy sự di chuyển của thể nhân tham gia vào hoạt động thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầutư.
* Tạo ra những thủ tục hiệu quả, ít chi phí và minh bạch cho việc nộp hồ sơ di trú.

30 [http://www.ASEAN.org/images/2013/economic/handbook%20mra%20tourism\_opt.pdf](http://www.asean.org/images/2013/economic/handbook%20mra%20tourism_opt.pdf)

[31http://www.ASEAN.org/images/2012/Economic/sectoral\_aem/service/agreement/ASEAN%20AGREEMENT%20ON%20THE](http://www.asean.org/images/2012/Economic/sectoral_aem/service/agreement/ASEAN%20AGREEMENT%20ON%20THE%20MOVEMENT%20OF%20NATURAL%20PERSONS.pdf)

[%20MOVEMENT%20OF%20NATURAL%20PERSONS.pdf](http://www.asean.org/images/2012/Economic/sectoral_aem/service/agreement/ASEAN%20AGREEMENT%20ON%20THE%20MOVEMENT%20OF%20NATURAL%20PERSONS.pdf)

* Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ của các Quốc gia Thành viên và bảo vệ lực lượng lao động trong nước và việc làm dài hạn trong phạm vi lãnh thổ của các Quốc gia Thànhviên.

Cần lưu ý rằng Hiệp định MNP áp dụng cho ***Người lao động đi công tác (BV), Người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp (ICT)*** và ***Người cung ứng dịch vụ theo hợp đồng (CSS)*** như được định nghĩa trong Hiệp định.

Biểu Cam kết32 của các Quốc gia Thành viên ASEAN trong Hiệp định MNP được nêu ra tại phụ lục của Hiệp định này và được thông qua bởi các Bộ trưởng trong Hội đồng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) lần thứ chính được tổ chức tại Brunei Darussalam ngày 10/4/2013.

Khi Hiệp định này có hiệu lực, các cam kết về Phương thức 4 mà các Quốc gia Thành viên đưa ra theo các Gói AFAS trước đây, bao gồm những Gói được ký bởi AEM, các Bộ trưởng Tài chính ASEAN (AFMM) và các Bộ trưởng Vận tải ASEAN (ATM), sẽ được thay thế bởi Biểu Cam kết của các Quốc gia Thành viên theo Hiệp định MNP và sẽ được rà soát trong vòng một năm sau khi có hiệu lực.

## Khung Tham chiếu Trình độASEAN(AQRF)

Tiến bộ gần đây nhất trong nỗ lực của asen trong việc xúc tiến giáo dục và tính cơ động của người học và người lao động là ***Khung Tham chiếu Trình độ ASEAN (AQRF)***. AQRF được ký bởi các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN vào tháng 8/2014, được ký bởi các Bộ trưởng Giáo dục ASEAN vào tháng 9/2014 và được ký sơ bộ bởi các Bộ trưởng Lao động trong tháng5/2015.

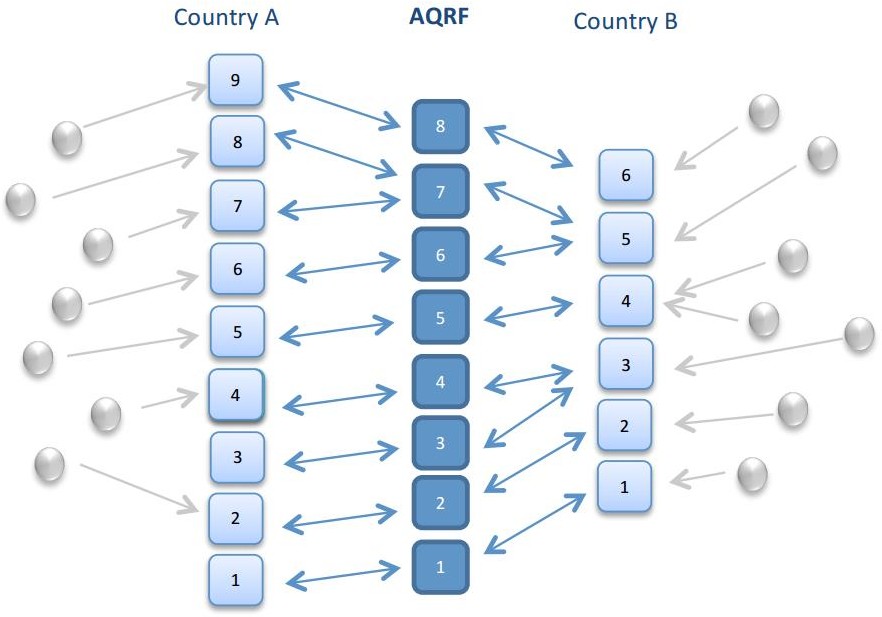
AQRF là một tài liệu tham khảo chung cho phép so sánh trình độ năng lực ở các Quốc gia Thành viên ASEAN. Nó bao trùm toàn bộ ngành giáo dục và đào tạo. Nó bao gồm 8 cấp độ phức tạp của kết quả giáo dục dựa trên (a) kiến thức và kỹ năng và (b) áp dụng và trách nhiệm.

Qua AQRF, Quốc gia Thành viên ASEAN có thể tiến hành ***Tham chiếu***, một quá trình để tạo lập mối quan hệ giữa tám cấp độ trong AQRF với những cấp độ của NQF hoặc hệ thống năng lực củamình.

32 Có riêng rẽ tại mục MNP của [http://www.ASEAN.org/communities/ASEAN-economic-community/category/agreementsdeclarations-12](http://www.asean.org/communities/asean-economic-community/category/agreementsdeclarations-12)

### Sơ đồ 1

**Quy trình Tham chiếu theo AQRF**



**Nước A**

**Nước B**

Ví dụ, một kỹ sư từ Nước A có một chứng chỉ nhất định từ khung đánh giá năng lực của quốc gia mình sẽ làm việc tại nước B. AQRF sẽ giải nghĩa cấp độ đánh giá năng lực đó thành một cấp độ tương đương theo khung đánh giá năng lực của Nước B.

AQRF dựa trên hiểu biết được nhất trí giữa các Quốc gia Thành viên và, theo mô hình, có một tác động trung lập tới khung đánh giá năng lực quốc gia (NQF) của các Quốc gia Thành viên ASEAN. Nó chào đón sự tiếp cận tự nguyện của các nước và không yêu cầu thay đổi nào đối với hệ thống đánh giá năng lực quốc gia.

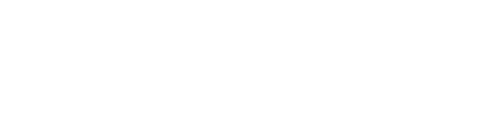
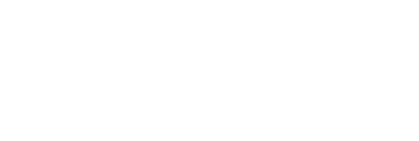
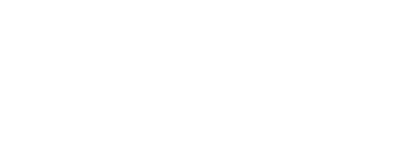
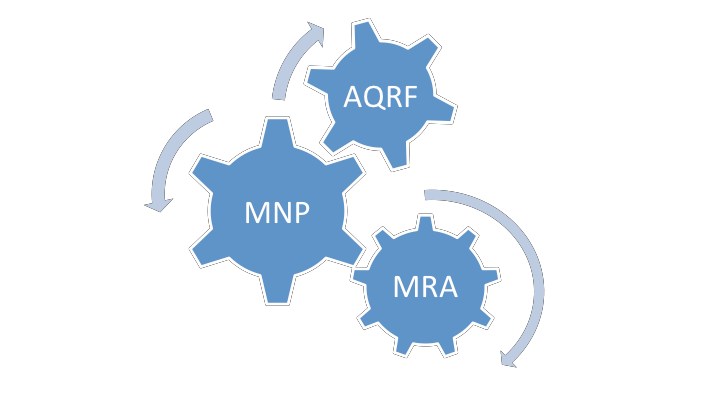
AQRF hỗ trợ và củng cố NQF của mỗi quốc gia trong khi cung cấp một cơ chế tạo điều kiện cho sự so sánh, sự minh bạch và những hệ thống đánh giá năng lực có chất lượng cao hơn. Nó được hỗ trợ bởi những nguyên tắc và tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng đã được thỏa thuận và yêu cầu các nước mô tả hệ thống giáo dục và bảo đảm chất lượng củamình.

Nhiều công việc đang được thực hiện để hoàn thành việc thi hành và sắp xếp quản lý cho AQRF.

### Lược đồ 2

**Mối quan hệ Khái niệm của MRA, MNP và AQRF**

Cung cấp một cơ chế giải nghĩa để hiểu được mức độ trình độ năng lực của người cung ứng dịch vụ từ một quốc gia khác



Điều chỉnh sự tiếp cận thị trường trong nước của người cung ứng dịch vụ nước ngoài

Điều chỉnh sự thừa nhận trình độ năng lực của người cung cấp dịch vụ nước ngoài bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ một quốc gia khác

# Các Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN liên quan đến Thương mại Dịchvụ

ASEAN không chỉ tích cực trong việc hội nhập nền kinh tế giữa các Quốc gia Thành viên, nhưng cũng hướng ra ngoài khu vực của mình để chủ động tham gia vào các cuộc đàm phán về Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và/hoặc các hiệp định ***Đối tác Kinh tế Toàn diện (CEP)*** với các Đối tác Đối thoại ngày một tăng. Sự tự do hóa các ngành dịch vụ luôn luôn là một yếu tố quan trọng của những cuộc đàm phán này.

Hiệp định về dịch vụ đầu tiên đã được ký kết dưới Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN và một Đối tác Đối thoại là ***Hiệp định về Thương mại Dịch vụ theo Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa ASEAN và CHDCND Trung Hoa***33, được ký kết bởi các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và Bộ trưởng Bộ Thương mại Trung Quốc vào 17/01/2007 tại Cebu, Phi-lip-pin. Cam kết tiếp cận thị trường của các Bên trong Hiệp định này được chứa đựng trong Gói thứ nhất về Biểu Cam kết kèm theo Hiệp định. Gói cam kết thứ hai theo FTA này đã được hoàn thành và ký bởi các Bộ trưởng vào 16/11/2011 tại Ba-li, In-do-ne-xia.

Điều này được nối tiếp bởi việc hoàn thiện và ký kết ***Hiệp định về Thương mại Dịch vụ theo Hiệp định Khung về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa Chính phủ các Quốc gia Thành viên ASEAN và Đại Hàn Dân Quốc***34 vào 21/11/2007 tại Xinh-ga-po. Hiệp định bao gồm một Phụ lục về Dịch vụ Tài chính và Bản Ghi nhớ làm rõ nội dung một số đoạn trong Hiệp định. Biểu cam kết cụ thể cho gói cam kết thứ nhất được đưa vào phần phụ lục của Hiệp định.

Hiệp định tiếp theo là ***Hiệp định Thành lập Khu vực Thương mại Tự do giữa ASEAN-Úc- Niu-Di-lân***35 được ký vào 27/02/2009 tại Cha-am, Thái Lan. Đây là một FTA toàn diện bao trùm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, đầu tư, thương mại điện tử và những lĩnh vực khác. Liên quan đến thương mại dịch vụ, Hiệp định cũng chứa những chương bổ sung về Di chuyển Thể nhân (MNP) và các phụ lục về các dịch vụ tài chính và viễn thông. Có 2 biểu cam kết riêng biệt; một về những cam kết dịch vụ cụ thể và một về Di chuyển Thể nhân (MNP).

FTA về dịch vụ gần đây nhất là ***Hiệp định về Thương mại Dịch vụ theo Hiệp định Khung về về Hợp tác Kinh tế Toàn diện giữa ASEAN và Cộng hòa Ấn Độ***36 được ký vào 13/11/2014 tại Nay Pyi Taw, My-an-ma. Hiệp định chứa Phụ lục về Di chuyển Thể nhân (MNP). Biểu cam kết cụ thể được đưa vào phụ lục của Hiệp định này.

ASEAN đang chuẩn bị hoàn tất việc đàm phán về thương mại dịch vụ với Nhật Bản, dự kiến hoàn thành trong năm 2015.

ASEAN cũng đang tiến tới tiến hành đàm phán với tất cả các đối tác trong các FTA (Úc, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Niu-Di-lân) qua ***Hiệp ước Đối tác Kinh tế Toàndiện(RCEP)***baotrùmnhiềulĩnhvựcbaogồmthươngmạihànghóa,thươngmại

33 [http://www.ASEAN.org/images/archive/21627.pdf](http://www.asean.org/images/archive/21627.pdf)

34 [http://www.ASEAN.org/images/archive/21111.pdf](http://www.asean.org/images/archive/21111.pdf)

35 [http://www.ASEAN.org/images/archive/22260.pdf](http://www.asean.org/images/archive/22260.pdf)

36 [http://www.ASEAN.org/images/pdf/2014\_upload/reducedASEAN-India%20Trade%20in%20Services%20Agreement%20-](http://www.asean.org/images/pdf/2014_upload/reducedASEAN-India%20Trade%20in%20Services%20Agreement%20-%20Scanned%20ASEAN%20version%20copy.pdf)

[%20Scanned%20ASEAN%20version%20copy.pdf](http://www.asean.org/images/pdf/2014_upload/reducedASEAN-India%20Trade%20in%20Services%20Agreement%20-%20Scanned%20ASEAN%20version%20copy.pdf)

dịch vụ và đầu tư. Cuộc đàm phán RCEP được tiến hành bởi các Nhà lãnh đạo ASEAN và sáu Đối tác FTA vào 20/11/2012 tại Phnom Pênh, Cam-pu-chia37.

Asan hiện đang đàm phán FTA ASEAN-Hồng Kông và Cải tiến FTA ASEAN-Trung Quốc, dự kiến hoàn thiện trong năm2016.

Hiệp định này bao gồm một Phụ lục về Dịch vụ Tài chính và Bản Ghi nhớ làm rõ những giải thích về một số đoạn trong Hiệp định. Thêm vào đó, Hiệp định cũng đưa vào Phụ lục GATS về Viễn thông.

[37http://www.ASEAN.org/images/2012/documents/Joint%20Declaration%20on%20the%20Launch%20of%20Negotiations%20fo](http://www.asean.org/images/2012/documents/Joint%20Declaration%20on%20the%20Launch%20of%20Negotiations%20for%20the%20Regional%20Comprehensive%20Economic%20Partnership.pdf)

[r%20the%20Regional%20Comprehensive%20Economic%20Partnership.pdf](http://www.asean.org/images/2012/documents/Joint%20Declaration%20on%20the%20Launch%20of%20Negotiations%20for%20the%20Regional%20Comprehensive%20Economic%20Partnership.pdf)

# Tiếnbước

ASEAN đã đi qua một chặng đường dài với nỗ lực hội nhập khu vực dịch vụ, cũng như các chương trình hành động hội nhập khác của mình. Các thành tự trong nhiều lĩnh vực như được nêu bật ra ở trên cho thấy sự tiến bộ đáng kể trong các chính sách kinh tế của các Quốc gia Thành viên ASEAN từ ý tưởng AFAS năm 1995, và điều này phản ánh nỗ lực cực kỳ to lớn của các Quốc gia Thành viên ASEAN, mỗi quốc gia và toàn khu vực.

Để đạt được điều trên, những công việc khác để hội nhập nền kinh tế ASEAN cũng như thương mại và đầu tư trong khu vực dịch vụ vẫn rất quan trọng. Một số hành động và mục tiêu được đặt ra trong Blueprint AEC 2015 yêu cầu nhiều thời gian hơn để một số Quốc gia Thành viên ASEAN hoàn thiện. Mặt khác, ASEAN cũng cần tiến về phía trước và đặt ra lộ trình tới cấp tiếp theo của sự hội nhập kinh tế ASEAN vượt ra ngoài AEC 2015, đón nhận nhiều thử thách và cơ hội mới được tạo ra bởi sự năng động luôn thay đổi của nền kinh tế và những tiến bộ công nghệ trong khu vực và trên thếgiới.

Trong lĩnh vực thương mại dịch vụ này, ASEAN hiện đang làm việc về***Hiệp định ASEAN về Thương mại Dịch vụ (ATISA)***, văn bản sẽ kế thừa và củng cố những hiệp định ASEAN về dịch vụ, không chỉ AFAS mà còn những hiệp định khác được ký kết với những Đối tác Đối thoại của ASEAN. ATISA sẽ đáng mong đợi và chú ý tới những thông lệ tốt nhất cũng như những chủ đề mới liên quan đến thương mại dịchvụ.

Thực tế những công việc cần phải làm để thúc đẩy một môi trường thương mại dịch vụ hội nhập hơn thực sự gặp phải nhiều thách thức, có tính đến không chỉ sự đa dạng của sự phát triển kinh tế cố hữu trong khu vực mà còn sự đa dạng của những hệ thống và tiêu chuẩn quản lý, vô số loại hoạt động dịch vụ và nhiều cơ quan, tổ chức và người tham gia của chính phủ có liênquan.

Với tốc độ hội nhập cao của các nền kinh tế ASEAN vào hệ thống thương mại toàn cầu và tốc độ ngày càng gia tăng của các cuộc đàm phán và thi hành các FTA/CEP với Đối tác Đối thoại của ASEAN, ASEAN sẽ tiếp tục thực hiện công việc của mình ở một mức độ hội nhập và hợp tác cao hơn trong lĩnh vực thương mại dịch vụ giữa các Quốc gia Thành viên. Sự phối hợp chặt chẽ giữa tất cá những người tham gia (cộng đồng doanh nghiệp, chính phủ, học giả và xã hội dân sự) sẽ đóng một vai trò thiết yếu trong nỗ lực này.

# Phụ lục 1: Điểm yêu cầu thông tin và liên lạc

|  |  |
| --- | --- |
| **BRUNEI DARUSSALAM**  Vụ Thương mại Quốc tế  Bộ Ngoại giao và Thương mại ICC, JLN Pulaie, BB 3910  Brunei Darussalam Sđt: (673) 2383374  Fax: (673) 2384099  Email: [ccs.brunei@mfa.gov.bn](mailto:ccs.brunei@mfa.gov.bn) | **MYANMAR**  Bộ Vận tải  Tòa nhà số 5, Nay Pyi Taw, My-an-ma Sđt: (9567) 411418  Fax: (9567) 411418  Email:[ccs-myanmar@googlegroups.com](mailto:ccs-myanmar@googlegroups.com) |
| **CAMBODIA**  Bộ Thương mại  Vụ Thương mại Đa biên  Khu 19 - 61, Đường MOC Sangkat Teuk Thla, Khan Sen Sok  Phnom Penh, Cam-pu-chia  Sđt: 855 16 468 988/855 12 928 287  Fax: 855 23 866 389  Email: [ccscambodia2013@yahoo.com](mailto:ccscambodia2013@yahoo.com) | **PHILIPPINES**  Bộ Thương mại, Dịch vụ và Công nghiệp Vụ Kinh tế và Phát triển Quốc gia  số 12 Phố Josemaria Escriva Drive, Trung tâm Ortigas  Thành phố Pasig 1605 SĐT: (632) 631 2193  Fax: (632) 631 3734  Email: [CCS-Philipines@neda.gov.ph](mailto:CCS-Philipines@neda.gov.ph) |
| **INDONESIA**  Vụ Thương mại Đàm phán Dịch vụ Bộ Thương mại  Jalan M.I. Ridwan Rais No.5 1st Building, tầng 4, Jakarta,In-do-ne-xia  SĐT: (6221) 345 2621  Fax: (6221) 345 2621  Email: [ccsindonesia@kemendag.go.id](mailto:ccsindonesia@kemendag.go.id) | **SINGAPORE**  Bộ Thương mại và Công nghiệp 100, High St. TheTreasury  #09-01 Xinh-ga-po 178494  SĐT: (65) 6332 7224  Fax: (65) 6334 7113  Email: [mti\_ccs\_singapore@mti.gov.sg](mailto:mti_ccs_singapore@mti.gov.sg) |
| **CHDCND LÀO**  Vụ Xúc tiến Đầu tư  Bộ Kế hoạch và Đầu tư  01001 Souphanouvong Road, Thủ đô Viêng- chăn  SĐT: (856 21) 218377 / 222690  Fax: (856 21) 215491  Email: [ccslaos@yahoo.com](mailto:ccslaos@yahoo.com) | **THÁI LAN**  Vụ Đàm phán Thương mại Bộ Thương mại  44/100 Nonthaburi 1 Đường Nonthaburi 11000 Băng-cốc, Thái Lan  SĐT: (662) 507 7477  Fax: (662) 547 5622  Email: [dtn.bts@gmail.com](mailto:dtn.bts@gmail.com) |

|  |  |
| --- | --- |
| **MALAYSIA**  Ban Hợp tác Kinh tế ASEAN  Bộ Thương mại và Công nghiệp Quốc tế tầng 13, Lô 8, Khu văn phòng Chínhphủ  Jalan Duta, 50622 Kuala Lumpur SĐT: (603) 62000559  Fax: (603) 6201 9799  Email: [allasean@miti.gov.my](mailto:allasean@miti.gov.my) | **VIỆT NAM**  Vụ Kinh tế Dịch vụ  Bộ Kế hoạch và Đầu tư  6B Hoàng Diệu, Hà Nội, Việt Nam SĐT: (844) 804 3821  Fax: (844) 804 4934  Email: [ccsvietnam@mpi.gov.vn](mailto:ccsvietnam@mpi.gov.vn) |

Yêu cầu thông tin có thể được gửi tới địa chỉ sau:

Ban Dịch vụ và Đầu tư

Ban Quản lý Hội nhập Thị trường Vụ Cộng đồng Kinh tế ASEAN Ban Thư ký ASEAN

Jl. Sisingamangaraja 70A Ja-ka-ta 12110, In-do-ne-xia

SĐT: (6221) 7262991

Fax: (6221) 7398234

E-mail: [services@ASEAN.org](mailto:services@asean.org)

# Phụ lục 2 : Một số Thuật ngữ Cơ bản trong Thương mại Dịch vụ

## Định nghĩa “thương mại dịch vụ”: 4 Phương thức cung ứng

Trong hình thái cơ bản nhất, thương mại quốc tế nói đến sự trao đổi kinh tế giữa các cá nhân và không phải cá nhân, là công ty hoặc thể nhân, và ám chỉ lợi nhuận hoặc mất mát trao đổi nước ngoài. Đối với thương mại hàng hóa, khái niệm này khá dễ nhận thấy vì người sản xuất ở trong một nước và hàng hóa di chuyển qua biên giới tới người tiêu dùng ở một nước khác.

Đối với dịch vụ, khái niệm phức tạp hơn vì trong rất nhiều trường hợp người cung ứng và khách hàng cần phải ở cùng một địa điểm. Có bốn khả năng cung cấp dịch vụ quốc tế:

* Dịch vụ di chuyển qua biêngiới
* Người tiêu dùng di chuyển qua biên giới để sử dụng dịchvụ
* Người cung cấp di chuyển qua biên giới để cung cấp dịch vụ qua việc thành lập hiện diện thươngmại
* Người cung cấp di chuyển qua biên giới tạm thời để cung cấp dịchvụ

Bốn khả năng này được biết đến là ***“Phương thức Cung ứng”*** trong thương mại dịch vụ. Chúng được gọi lần lượt là Phương thức 1 (***Cung ứng qua biên giới***), Phương thức 2 (***Tiêu dùng ngoài lãnh thổ***), Phương thức 3 (***Hiện diện thương mại***) và Phương thức 4 (***Di chuyển thểnhân***).

## Các nguyên tắc cơ bản của tự do hóa dịch vụ

Nối tiếp việc kết thúc Vòng đàm phán U-ru-guay năm 1994 dẫn tới hiệp định đa phương đầu tiên về thương mại dịch vụ, Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ (GATS), có một điều được chấp nhận rộng rãi là những nghĩa vụ chủ chốt điều chỉnh sự tự do hóa thương mại dịch vụ quốc tế sẽ bao gồm những thứ sau:

Sự minh bạch: Các nước phải thông báo cho nhau biết về các biện pháp liên quan ảnh hưởng đến thương mại dịch vụ, bao gồm việc công bố, duy trì các điểm yêu cầu thông tin một cách kịp thời và rà soát pháp lý công bằng.

Tối huệ quốc (MFN): Các nước phải trao cho nhau sự đối xử ưu đãi nhất mà họ trao cho các đối tác thươngmại.

Không phân biệt đối xử: Các nước phải đối xử với dịch vụ và người cung cấp dịch vụ từ một Nước không kém ưu đãi hơn so với dịch vụ và người cung cấp dịch vụ từ nước khác.

Tiếp cận thịtrường: về việc tiếp cận thị trường của một Nước, dịch vụ và người cung cấp dịch vụ của bất kỳ nước nào phải được trao cho sự đối xử như được quy định trong biểu cam kết.

Đối xử quốc gia: Dịch vụ và người cung cấp dịch vụ của một Nước phải được tiếp cận thị trường của một Nước khác trong cùng một điều kiện được đưa ra đối với dịch vụ và người cung cấp dịch vụ trong nước.

Tự do hóa từng bước: Các nước sẽ tham gia các vòng đàm phán nối tiếp nhau, với mục đích từng bước đạt được mức độ tự do hóa caohơn.

## Hiểu Biểu Cam kết Dịch vụ

Trong cách tiếp cận tự do hóa dịch vụ dựa trên GATS, bao gồm cả AFAS, ***biểu cam kết*** của một Nước về tự do hóa các ngành dịch vụ bao gồm những bộ văn bản sau:

***Biểu Cam kết chung***: nêu rõ các cam kết của một Nước là chung và ràng buộc trên toàn bộ các ngành dịch vụ được đưa vào biểu cam kết, trừ khi được quy định khác.

***Biểu Cam kết Cụ thể:*** nêu rõ chi tiết về cam kết của một Nước trong những ngành và phân ngành dịch vụ.

***Danh sách Miễn trừ đối xử Tối huệ quốc***: nêu rõ chi tiết về những trường hợp mà nghĩa vụ đối xử tối huệ quốc của một Nước được miễn trừ. Những trường hợp miễn trừ đó, tuy nhiên, sẽ tuân theo những yêu cầu được quy định tại Điều II của GATS về Tối huệ quốc.

Cả cam kết chung và cam kết cụ thể có mô hình như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Ngành/Phân ngành** | **Cam kết tiếp cận thị trường** | **Cam kết Đối xử quốc gia** | **Cam kết bổ sung** |
| Tên ngành/ phân ngành38 | Chi tiết về Hạn chế tiếp cận thị trường Phương thức 1 | Chi tiết về Hạn chế Đối xử quốc gia Phương thức1 | Chi tiết về Cam kết Bổ sung (nếucó) |
| Chi tiết về Hạn chế tiếp cận thị trường Phương thức 2 | Chi tiết về Hạn chế Đối xử quốc gia Phương thức2 |
| Chi tiết về Hạn chế tiếp cận thị trường Phương thức 3 | Chi tiết về Hạn chế Đối xử quốc gia Phương thức3 |
| Chi tiết về Hạn chế tiếp cận thị trường Phương thức 4 | Chi tiết về Hạn chế Đối xử quốc gia Phương thức4 |

Đối với những chi tiết về hạn chế đối với mỗi phương thức cung ứng, những thuật ngữ sau thường được sử dụng:

***Không hạn chế:*** có nghĩa là Nước đó không hạn chế tiếp cận thị trường hoặc đối xử quốc gia trong ngành/phân ngành và phương thức cung ứng, ngoài những điều đó trong cam kết chung (nếu có).

***Chưa cam kết:*** có nghĩa là Nước đó không bị “ràng buộc” với bất kỳ cam kết nào và sẽ tự do trong ngành/phân ngành và phương thức cung ứng để ban hành hoặc duy trì các biện pháp không tuân thủ tiếp cận thị trường và đối xử quốc gia39.

38 Ghi là “Tất cả các ngành” trong Cam kết chung

39 Những trường hợp này chỉ liên quan nếu một cam kết đã được đưa ra trong một ngành liên quan đến ít nhất một phương thức cung ứng. Nếu tát cả các phương thức là “chưa cam kết” và không có cam kết bổ sung đã được thực hiện trong ngành, ngành đó sẽ không xuất hiện trong biểu cam kết.

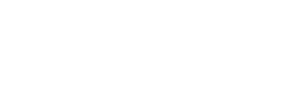
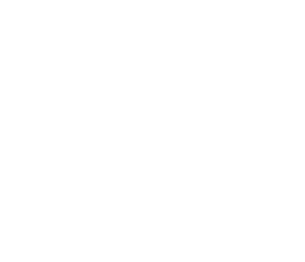
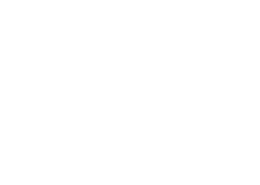
***Chưa cam kết hoặc Chưa cam kết do Tính khả thi kỹ thuật:*** việc cung ứng dịch vụ trong ngành/phân ngành dịch vụ có thể không khả thi về mặt kỹ thuật cho phương thức cung ứng này40.

Danh sách miễn trừ Tối huệ quốc được ghi chi tiết theo mô hình sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành/ Phân ngành** | **Mô tả biện pháp** | **Các nước biện pháp được**  **áp dụng** | **Thời hạn dự kiến** | **Hoàn cảnh phát sinh nhu cầu phải có miễn trừ đối xử Tối huệ quốc**  **(MFN)** |
| Tên ngành/phân ngành | Mô tả chi tiết biện pháp không tuân theo quy định về MFN | Danh sách các nước mà biện pháp áp dụng | Thời hạn dự kiến của miễn trừ MFN | Chi tiết về lý do/hoàn cảnh phát sinh nhu cầu miễn trừ |

Mô hình minh họa một biểu cam kết tiêu biểu của cam kết chung:

Phương thức cung ứng: 1) Cung ứng qua biên giới 2) Tiêu dùng ngoài lãnh thổ 3) Hiện diện thương mại 4) Hiện diện thể nhân



|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Ngành/Phân ngành** |  | **Hạn chế Tiếp cận thị trường** | **Hạn chế Đối xử Quốc gia** |  | **C** | |  |
|  | **I. CAM KẾT CHUNG** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | TẤT CẢ CÁC NGÀNH BAO ĐƯỢC ĐƯA VÀO BIỂU CAM KẾT NÀY TRỪ KHI CÓ QUY ĐỊNH KHÁC  Các hạn chế trong cam kết chung thường áp dụng cho tất cả các ngành và phân ngành được đưa vào Biểu Cam kết Cụ thể |  | 1. Không hạnchế 2. Không hạnchế 3. Không hạn chế,trừ:   Mua bán và sáp nhập yêu cầu chấp thuận từ các cơ quan có thẩm quyền. | 1. Không hạnchế 2. Không hạnchế 3. Không hạn chế, trừ: Tài sản đấtđai:   Doanh nghiệp nước ngoài được phép sỡ hữu tới 5% tài sản đất đai.  Thuế thu nhập doanh nghiệp:  Bổ sung 2% vào thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp có tới 60% vốn nước ngoài.   1. Chưa cam kết, trừ khi được ghi trong Biểu Cam kết Cụthể |  | 1),2)  phư ứng | , 3) và 4) nói tới ng thức cung | |
| Ban Giám đốc: |  |
| Ít nhất 50% Ban Giám đốc phải là người thường trú. |  |
| 4) Chưa cam kết, từ những người di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp |  |

Mô hình minh họa danh sách Miễn trừ MFN:

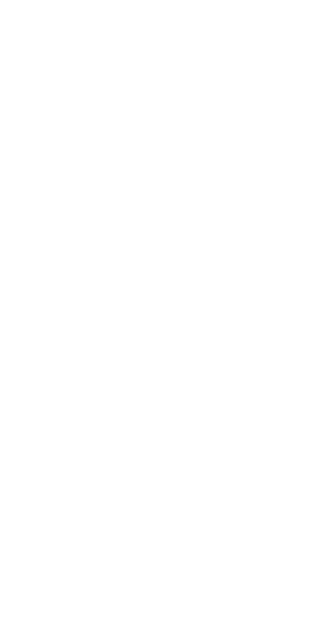
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành/ Phân ngành** | **Mô tả biện pháp ghi rõ sự không phù hợp với Điều**  **II** | **Các nước biện pháp được**  **áp dụng** | **Cam kết bổ sung** | **Hoàn cảnh phát sinh nhu cầu phải có miễn trừ** |
| Tất cả các ngành | Mô tả chi tiết biện pháp không tuân theo quy định về MFN | Tất cả các nước | Không giới hạn | Các biện pháp sẽ được áp dụng theo cách thức phù hợp  với các chính sách phát triển quốc gia |

40 Khi phương thức cung ứng được cho là không thể thực hiện trên thực tế hoặc trong tương lai có thể thực hiện được, cách ghi này có nghĩa là “chưa camkết”.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  | để tối đa hóa và duy trì một môi trường cạnh tranh thị trường lành mạnh |

Mô hình minh họa biểu cam kết cụ thể

Phương thức cung ứng: 1) Cung ứng qua biên giới 2) Tiêu dùng ngoài lãnh thổ 3) Hiện diện thươngmại 4) Hiện diện thểnhân



**DỊCH VỤ KINH DOANH**

A. **Dịch vụ chuyên nghiệp**

1)

2)

3)

4)

**Bước 1:** Kiểm tra chéo với Biểu Cam kết Chung và danh sách Miễn trừ MFN

**Bước 2:** Xác định những Hạn chế Tiếp cận thị trường và Đối xử quốc gia đối với mỗi Phương thức cungứng

trong Biểu Cam kết

Chung (nếu có)

**Bước 3:** Tập hợp những Hạn chế Hạn chế Tiếp cận thị trường và Đối xử quốc gia trong Biểu Cam kết Chung với Biểu Cam kết Cụ thể này

4) Kiểm tra đánh giá chất lượng để thử nghiệm năng lực và khả năng cung cấp dịch vụ và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền

1. Không hạnchế
2. Không hạnchế
3. Không hạn chế, trừ khi được ghi trong Biểu Cam kết Chung
4. Chưa cam kết, trừ khi được ghi trong Biểu Cam kết Cụ thể

Không hạn chế Không hạn chế

Không hạn chế, trừ khi được ghi trong Biểu Cam kết Chung

Chưa cam kết, trừ khi được ghi trong Biểu Cam kết Chung

Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ kế toán

(CPC 862)

**Cam kết bổ sung**

**Hạn chế Đối xử quốc gia**

**Hạn chế tiếp cận thị trường**

**Ngành hoặc Phân ngành**

# Phụ lục 3: Phân loại Ngành dịch vụ và Phân ngành dịch vụ

Cách phân loại ngành và phân ngành dịch vụ được thừa nhận và sử dụng rộng rãi là cách phân loại dựa trên **Danh sách Phân loại Ngành Dịch vụ của Ban Thư ký WTO**41. Mỗi ngành trong danh sách này được xác định bởi một số Phân loại Sản phẩm Trung tâm (CPC) tương ứng42. Nếu một Quốc gia Thành viên muốn sử dụng hệ thống phân loại hoặc định nghĩa phân ngành của riêng mình, qg đó nên dựa trên CPC. Nếu điều đó là không khả thi, nước đó nên đưa ra định nghĩa chi tiết đầy đủ để tránh bất kỳ sự không rõ ràng nào đối với phạm vi cam kết.

Trong khi việc ghi mã CPC đã được cập nhật một vài lần để theo kịp với sự phát triển của nền kinh tế và tiến bộ công nghệ, để phục vụ cho các cuộc đàm phán về thương mại dịch vụ, ***CPC Tạm thời (Provsional CPC)*** được công bố trong năm 1990 tiếp tục là tài liệu tham khảo chính cho việc phân loại ngành/phân ngành dịchvụ.

Những nhóm chính của các ngành dịch vụ được đưa ra trong Danh sách Phân loại Ngành Dịch vụ của Ban Thư ký WTO bao gồm:

* + Dịch vụ kinhdoanh
    - Dịch vụ chuyênnghiệp
    - Dịch vụ liên quan đến máytính
    - Dịch vụ nghiên cứu và pháttriển
    - Dịch vụ bất độngsản
    - Dịch vụ cho thuê không có người vậnhành
    - Những dịch vụ kinh doanhkhác
  + Dịch vụ liênlạc
    - Dịch vụ bưuchính
    - Dịch vụ chuyểnphát
    - Dịch vụ viễnthông
    - Dịch vụnghe-nhìn
  + Dịch vụ xây dựng và liên quan đến kỹthuật
  + Dịch vụ phânphối
  + Dịch vụ giáodục
  + Dịch vụ môitrường
  + Dịch vụ tàichính
    - Dịch vụ bảo hiểm và liên quan đến bảohiểm

41 1991 Danh sách này được chứa trong văn bản WTO mã MTN.GNS/W/120 ngày 10/7/1991

42 CPC là một danh sách hoàn thiện phân loại sản phẩm và dịch vụ của Liên Hợp Quốc và phục vụ như một tiêu chuẩn quốc tế cho việc tập hợp và phân nhóm tất cả các loại dữ liệu yêu cầu chi tiết về hàng hóa bao gồm sản phẩm công nghiệp, tài khoản quốc gia, công nghiệp dịch vụ, thương mại hàng hóa nội địa và nước ngoài, thương mại dịch vụ quốc tế, cân bằng thanh toán, thống kê tiêu dùng và giá cả. Những mục tiêu cơ bản khác là cung cấp một khung so sánh quốc tế và xúc tiến sự hài hòa hóa của một số thống kê về hàng hóa và dịchvụ.

* + - Dịch vụ ngân hàng và các dịch vụ tài chínhkhác
  + Dịch vụ liên quan đến sức khỏe và dịch vụ xãhội
  + Dịch vụ du lịch và liên quan đến dulịch
  + Dịch vụ giải trí, văn hóa và thểthao
    - Dịch vụ giảitrí
    - Dịch vụ đại lý tintức
    - Dịch vụ thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các dịch vụ văn hóakhác
    - Dịch vụ thể thao và các dịch vụ tiêu khiểnkhác
  + Dịch vụ vậntải
    - Dịch vụ vận tải hànghải
    - Dịch vụ vận tải đường thủy nộiđịa
    - Dịch vụ vận tải hàngkhông
    - Dịch vụ vận tải đườngsắt
    - Dịch vụ vận tải đườngbộ
    - Vận tải đườngống
    - Dịch vụ liên quan đến tất cá các phương thức vậntải
  + Những dịch vụ khác không được phân vàođâu

Việc liệt kê chi tiết các ngành và phân ngành trong Danh sách Phân loại Ngành Dịch vụ của Ban Thư ký WTO có thể được tải về từ:

[www.wto.org/english/tratop e/serv e/mtn gns w 120 e.doc](http://www.wto.org/english/tratop%20e/serv%20e/mtn%20gns%20w%20120%20e.doc).

Cấu trúc chi tiết và chú giải của mỗi mã CPC Tạm thời có tại: [http://unstats.un.org/unsd/cr/registry/regcst.asp?Cl=9&Lg=1](http://unstats.un.org/unsd/cr/registry/regcst.asp?Cl=9&amp;Lg=1).

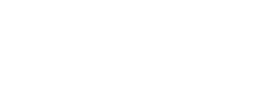
# Phụ lục 4: Danh mục từ viết tắt

|  |  |
| --- | --- |
| **AAC** | Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN |
| **ABIF** | Khung Hội nhập Ngân hàng ASEAN |
| **ACCSTP** | Tiêu chuẩn Trình độ Chung cho Nghề Du lịch của ASEAN |
| **ACIA** | Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN |
| **ACPACC** | Ủy ban Điều phối Kế toán viên Chuyên nghiệp ASEAN |
| **ACPECC** | Ủy ban Điều phối Kỹ sư Chuyên nghiệp ASEAN |
| **AEC** | Cộng đồng Kinh tế ASEAN |
| **AEM** | Bộ trưởng Kinh tế các nước ASEAN |
| **AFAS** | Hiệp định Khung ASEAN về Dịch vụ |
| **AFCDM** | AFCDM |
| **AFMGM** | Hội nghị các Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Trungương ASEAN |
| **AFTA** | Khu vực Thương mại Tự do ASEAN |
| **AIA** | Hội đồng Khu vực Đầu tư ASEAN |
| **AJCCD** | Ủy ban Điều phối Chung của ASEAN về Hành nghề Nha khoa |
| **AJCCM** | Ủy ban Điều phối Chung của ASEAN về Hành nghề Y |
| **AJCCN** | Ủy ban Điều phối Chung của ASEAN về Điều dưỡng |
| **AQRF** | Khung Tham chiếu Trình độ ASEAN |
| **ASEAN** | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á |
| **ATISA** | Hiệp định ASEAN về Thương mại Dịch vụ |
| **ATM** | Bộ trưởng Vận tải các nước asaen |
| **ATPMC** | Ủy ban Điều hành Nghề Du lịch của ASEAN |
| **ATSN** | Đàm phán Khu vực về Vận tải Hàng không |
| **ATWG** | Nhóm Công tác Vận tải Hàng không |
| **BBSWG** | Nhóm Công tác Khu vực về Dịch vụ Kinh doanh |
| **CCI** | Ủy ban Điều phối về Đầu tư |
| **CCS** | Ủy ban Điều phối về Dịch vụ |

|  |  |
| --- | --- |
| **CEP** | Đối tác Kinh tế Toàn diện |
| **CEPT** | Hiệp định về Thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung cho AFTA |
| **CPC** | Phân loại Sản phẩm Trung tâm |
| **DDA** | Chương trình nghị sự Phát triển Doha |
| **FDI** | Đầu tư trực tiếp nước ngoài |
| **FTA** | Khu vực Thương mại Tự do |
| **GATS** | Hiệp định Chung về Thương mại Dịch vụ |
| **GATT** | Hiệp định Chung về Thương mại và Thuế quan |
| **GDP** | Tổng sản phẩm quốc nội |
| **HLTF** | Lực lượng Nhiệm vụ Cấp cao về Hội nhập Kinh tế ASEAN |
| **HSSWG** | Nhóm Công tác Khu vực về Dịch vụ Chăm sóc sức khỏe |
| **ICT** | Công nghệ thông tin và truyền thông |
| **MFN** | Tối huệ quốc |
| **MNP** | Di chuyển Thể nhân |
| **MRA** | Thỏa thuận Thừa nhận Lẫn nhau |
| **RCEP** | Hiệp định Đối tác Khu vực Kinh tế Toàn diện |
| **SEOM** | Hội nghị Cán bộ Kinh tế Cao cấp |
| **STOM** | Hội nghị Cán bộ Vận tải Cao cấp |
| **VAP** | Chương trình hành động Viên Chăng |
| **WC-FSL** | Nhóm Công tác về Tự do hóa Dịch vụ Tài chính của ASEAN theo AFAS |
| **WTO** | Tổ chức Thương mại Thế giới |

ASEAN: Một cộng đồng của những cơ hội

ASEAN



[www.asean.org](http://www.asean.org/)